

ĐỀ 1**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024****Môn: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề***Câu 41:** Cho bảng số liệu:

LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG VÀ LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A
 GIAI ĐOẠN 2010 – 2019 (Đơn vị: Nghìn người)

| Năm | 2010 | 2015 | 2017 | 2019 |
|----------------------|--------|--------|--------|--------|
| Lực lượng lao động | 116528 | 122380 | 128063 | 131006 |
| Lao động có việc làm | 108208 | 114819 | 121022 | 124005 |

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, cho biết năm nào sau đây In-đô-nê-xi-a có tỉ lệ lao động có việc làm cao nhất?

- A. Năm 2015. B. Năm 2017. C. Năm 2019. D. Năm 2010.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

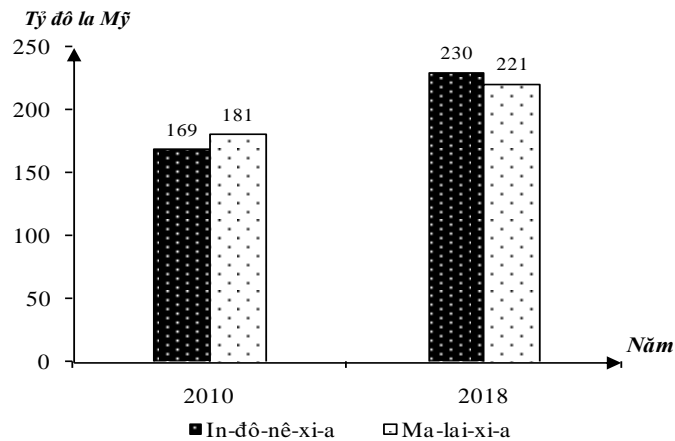
- A. Mộc Bài. B. An Giang. C. Bờ Y. D. Lao Bảo.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây trồng nhiều chè nhất?

- A. Phú Thọ. B. Quảng Ninh. C. Lạng Sơn. D. Bắc Giang.

Câu 44: Các nhà máy nhiệt điện khí nước ta tập trung chủ yếu ở

- A. thềm lục địa. B. ven các đảo. C. miền Bắc. D. miền Nam.

Câu 45: Cho biểu đồ:*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi giá trị nhập khẩu năm 2018 so với năm 2010 của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a?

- A. In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a. B. Ma-lai-xi-a tăng gấp hai lần In-đô-nê-xi-a.
 C. In-đô-nê-xi-a tăng ít hơn Ma-lai-xi-a. D. Ma-lai-xi-a tăng và In-đô-nê-xi-a giảm.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

- A. Long Xuyên. B. Rạch Giá. C. Cà Mau. D. Sóc Trăng.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Bắc Ninh. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Lai Châu.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết đỉnh núi nào sau đây có độ cao dưới 1000m?

- A. Kon Ka Kinh. B. Bà Rá. C. Ngọc Linh. D. Chư Yang Sin.

Câu 49: Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nước ta hiện nay

- A. tập trung ở miền núi. B. có thị trường nhỏ hẹp. C. sản phẩm đa dạng. D. phân bố đồng đều.

Câu 50: Việc ứng dụng công nghệ trồng trọt mới ở Đông Nam Bộ nhằm

- A. mở rộng rừng. B. giữ nước ở hồ chứa. C. bảo vệ rừng. D. tăng sản lượng.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp Bim Sơn có ngành nào sau đây?

- A. Dệt, may. B. Cơ khí. C. Đóng tàu. D. Luyện kim màu.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, hãy cho biết đường quốc lộ 7 nối cảng Cửa Lò với cửa khẩu nào sau đây?

- A. Cầu Treo. B. Nậm Cắn. C. Cha Lo. D. Lao Bảo.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn nhất?

- A. Bình Định. B. Quảng Bình. C. Quảng Nam. D. Nghệ An.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây có du lịch biển?

- A. Đà Lạt. B. Cần Thơ. C. Hà Nội. D. Nha Trang.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết địa phương nào sau đây có biên độ nhiệt năm cao nhất?

- A. Hà Nội. B. Đà Nẵng. C. Đồng Hới. D. Thanh Hóa.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có nhà máy thủy điện nào sau đây?

- A. Xê Xan 3A. B. A Vương. C. Xê Xan 3. D. Yaly.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nơi nào sau đây có công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi?

- A. Cà Mau. B. Vũng Tàu. C. Bảo Lộc. D. Phan Thiết.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết đảo nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Bạch Long Vĩ. B. Hòn Tre. C. Phú Quốc. D. Cồn Cỏ.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Phó Đáy. B. Kì Cùng. C. Bằng Giang. D. Kinh Thầy.

Câu 60: Biện pháp mở rộng rừng phòng hộ ở nước ta là

- A. tăng khai thác rừng. B. tăng vườn quốc gia. C. trồng rừng ven biển. D. khai thác hợp lý.

Câu 61: Lũ quét ở nước ta

- A. xảy ra ở đồng bằng rộng. B. được dự báo chính xác.
C. tập trung chủ yếu miền núi. D. chỉ gây thiệt hại về người.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết bò được nuôi nhiều ở tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Quảng Bình. C. Thanh Hóa. D. Hà Tĩnh.

Câu 63: Ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung tăng số lượng đàn gia cầm. B. tăng tỷ trọng sản phẩm không qua giết thịt.
C. phân bố đều khắp giữa các vùng lãnh thổ. D. chủ yếu dựa vào nguồn thức ăn từ tự nhiên.

Câu 64: Hoạt động trồng rừng của nước ta hiện nay

- A. chỉ chú trọng trồng ở vùng ven biển. B. thu hút sự tham gia của nhiều người.
C. tập trung hoàn toàn ở vùng đồi núi. D. tập trung chủ yếu trồng cây gỗ quý.

Câu 65: Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của nước ta hiện nay

- A. nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển. B. hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.
C. lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí. D. tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng.

Câu 66: Nguồn lao động nước ta hiện nay

- A. thừa đội ngũ lao động lành nghề. B. tỉ lệ lao động qua đào tạo rất cao.

C. chất lượng lao động phân bố hợp lí.

D. nguồn lao động bổ sung khá lớn.

Câu 67: Các huyện đảo của nước ta

A. đều có các di sản văn hóa thế giới.

B. đều là những địa điểm có dầu khí.

C. có tiềm năng để phát triển du lịch.

D. là nơi có nhiều vùng công nghiệp.

Câu 68: Vị trí địa lí của nước ta

A. gắn liền với lục địa Á – Âu.

B. tiếp giáp với nhiều biển của thế giới.

C. trải dài trên nhiều múi giờ.

D. nằm ở trung tâm của Đông Nam Á.

Câu 69: Quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay

A. chuyển biến tích cực, số lượng đô thị tăng lên.

B. có nhiều đô thị lớn, phân bố đều khắp lãnh thổ.

C. chậm lại, tỷ lệ dân thành thị thấp và tăng chậm.

D. theo hai hướng khác nhau, gắn liền công nghiệp hóa.

Câu 70: Giao thông vận tải nước ta hiện nay

A. chỉ có các tuyến đường biển nội địa.

B. phát triển mạnh nhất là đường sắt.

C. chỉ tập trung phát triển hàng không.

D. có mạng lưới đường ô tô mở rộng.

Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của việc sản xuất cây công nghiệp theo vùng chuyên canh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta là

A. phân bố lại sản xuất, tạo ra việc làm, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.

B. gắn với công nghiệp, sử dụng tốt hơn lao động, tăng hiệu quả kinh tế.

C. tăng nông sản, nâng cao vị thế của vùng, thay đổi cách thức sản xuất.

D. tăng xuất khẩu, phát huy thế mạnh, phát triển nông nghiệp hàng hóa.

Câu 72: Khách du lịch quốc tế đến nước ta hiện nay nhiều chủ yếu do

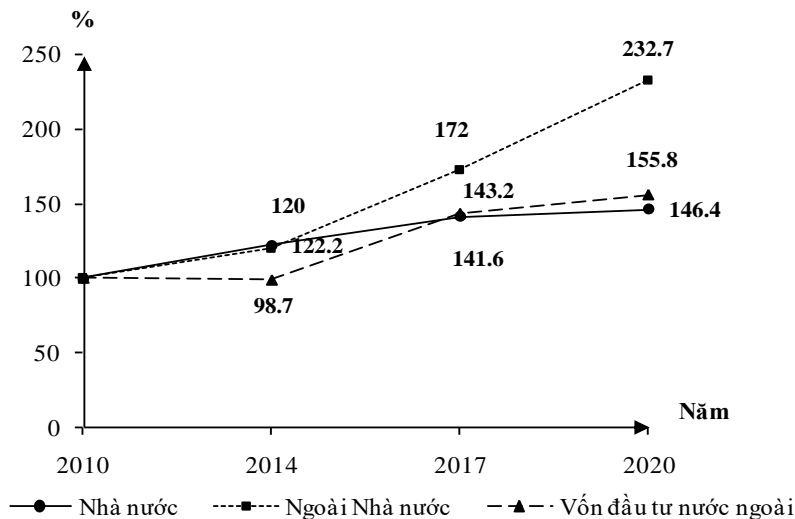
A. người dân hiếu khách, môi trường thân thiện.

B. hội nhập toàn cầu sâu rộng, kinh tế phát triển.

C. sản phẩm du lịch hấp dẫn, chính sách đổi mới.

D. dịch vụ thuận tiện, cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

Câu 73: Cho biểu đồ nguồn vốn đầu tư toàn xã hội theo thành phần kinh tế nước ta:



(Số liệu theo Niên giám thống kê, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội theo thành phần kinh tế.

B. Quy mô, tốc độ tăng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội theo thành phần kinh tế.

C. Quy mô và cơ cấu nguồn vốn đầu tư toàn xã hội theo thành phần kinh tế.

D. Cơ cấu, tốc độ tăng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội theo thành phần kinh tế.

Câu 74: Định hướng chính để khai thác hiệu quả thế mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm ở vùng Đồng bằng sông Hồng nước ta là

A. phát triển mạnh hình thức trang trại, sản xuất tập trung.

B. đẩy mạnh xuất khẩu, chuyển giao kĩ thuật cho nông dân

C. sử dụng nhiều máy móc, ứng dụng nhiều kĩ thuật mới.

D. sản xuất hàng hóa, hiện đại hóa công nghiệp chế biến.

Câu 75: Tác động chủ yếu của việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài đến phát triển công nghiệp ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nước ta là

- A. hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất ven biển, đẩy nhanh công nghiệp hóa.
- B. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hiện đại hoá cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp.
- C. phát triển ngành công nghiệp cơ khí và chế biến lâm sản, xây dựng cơ sở năng lượng.
- D. nâng cấp cơ sở vật chất, thu hút khách du lịch, giải quyết việc làm cho người lao động.

Câu 76: Việc xây dựng hệ thống các cảng biển ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Tạo ra thế mở cửa để hội nhập, thúc đẩy phát triển kinh tế.
- B. Nâng cao vai trò trung chuyển của vùng, thu hút lao động.
- C. Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, thu hút vốn đầu tư.
- D. Hình thành chuỗi các đô thị và khu công nghiệp ở phía tây.

Câu 77: Biện pháp chủ yếu nâng cao giá trị sản phẩm cây cà phê ở Tây Nguyên là

- A. sử dụng giống có năng suất cao, tăng diện tích.
- B. tăng năng suất, mở rộng các thị trường tiêu thụ.
- C. mở rộng vùng chuyên canh, phát triển thủy lợi.
- D. áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đẩy mạnh xuất khẩu.

Câu 78: Mục đích chủ yếu của việc sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai và đẩy mạnh sản xuất.
- B. tăng nhanh sản lượng lúa, thủy sản và các loại cây ăn quả.
- C. khai thác hiệu quả tài nguyên, thúc đẩy phát triển kinh tế.
- D. để khai thác lãnh thổ theo chiều sâu và đổi mới công nghệ.

Câu 79: Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có khí hậu khác với phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới, vị trí ở xa xích đạo, núi cao.
- B. địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây, vị trí ở nội chí tuyến.
- C. vị trí gần chí tuyến, gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc, địa hình núi.
- D. Tín phong bán cầu Bắc, vị trí ở khu vực gió mùa, địa hình có núi cao.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

| Năm | Doanh thu (tỉ đồng) | Số thuê bao (nghìn thuê bao) | |
|------|---------------------|------------------------------|---------|
| | | Di động | Cố định |
| 2017 | 348 576,6 | 115 014,7 | 4 385,4 |
| 2019 | 388 554,05 | 126 150,5 | 3 658 |
| 2020 | 346 196,91 | 123 626,7 | 3 205,8 |
| 2021 | 341 933,35 | 122 661,1 | 3 122,5 |

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn>)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tình hình phát triển triển ngành bưu chính viễn thông nước ta giai đoạn 2017 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Kết hợp.
- C. Miền.
- D. Đường.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

| | | | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 41.C | 42.A | 43.A | 44.D | 45.A | 46.C | 47.A | 48.B | 49.C | 50.D |
| 51.B | 52.B | 53.D | 54.D | 55.A | 56.B | 57.A | 58.C | 59.D | 60.C |
| 61.C | 62.C | 63.B | 64.B | 65.B | 66.D | 67.C | 68.A | 69.A | 70.D |
| 71.D | 72.C | 73.A | 74.D | 75.A | 76.A | 77.D | 78.C | 79.C | 80.B |

| CÂU | GIẢI | ĐÁP ÁN |
|-----|---|--------|
| 41 | - Theo bảng số liệu, In-đô-nê-xi-a có tỉ lệ lao động có việc làm cao nhất năm 2019. | C |

| | | |
|----|--|---|
| 42 | - Mộc Bài. | A |
| 43 | - Phú Thọ. | A |
| 44 | - Các nhà máy nhiệt điện khí nước ta tập trung chủ yếu ở miền Nam. | D |
| 45 | - Theo biểu đồ, nhận xét đúng về sự thay đổi giá trị nhập khẩu năm 2018 so với năm 2010 của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a là In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a. | A |
| 46 | - Cà Mau. | C |
| 47 | - Bắc Ninh. | A |
| 48 | - Bà Rịa. | B |
| 49 | - Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nước ta hiện nay sản phẩm đa dạng. | C |
| 50 | - Việc ứng dụng công nghệ trồng trọt mới ở Đông Nam Bộ nhằm tăng sản lượng. | D |
| 51 | - Cơ khí. | B |
| 52 | - Nậm Cắn. | B |
| 53 | - Nghệ An. | D |
| 54 | - Nha Trang. | D |
| 55 | - Hà Nội. | A |
| 56 | - A Vương. | B |
| 57 | - Cà Mau. | A |
| 58 | - Phú Quốc. | C |
| 59 | - Kinh Thầy. | D |
| 60 | - Biện pháp mở rộng rừng phòng hộ ở nước ta là trồng rừng ven biển. | C |
| 61 | - Lũ quét ở nước ta tập trung chủ yếu miền núi. | C |
| 62 | - Thanh Hóa. | C |
| 63 | - Ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay tăng tỷ trọng sản phẩm không qua giết thịt. | B |
| 64 | - Hoạt động trồng rừng của nước ta hiện nay thu hút sự tham gia của nhiều người. | B |
| 65 | - Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của nước ta hiện nay hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế. | B |
| 66 | - Nguồn lao động nước ta hiện nay nguồn lao động bổ sung khá lớn. | D |
| 67 | - Các huyện đảo của nước ta có tiềm năng để phát triển du lịch. | C |
| 68 | - Vị trí địa lí của nước ta gắn liền với lục địa Á – Âu. | A |
| 69 | - Quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay chuyển biến tích cực, số lượng đô thị tăng lên. | A |
| 70 | - Giao thông vận tải nước ta hiện nay có mạng lưới đường ô tô mở rộng. | D |
| 71 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc sản xuất cây công nghiệp theo vùng chuyên canh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta là tăng xuất khẩu, phát huy thế mạnh, phát triển nông nghiệp hàng hóa. | D |
| 72 | - Khách du lịch quốc tế đến nước ta hiện nay nhiều chủ yếu do sản phẩm du lịch hấp dẫn, chính sách đổi mới. | C |
| 73 | - Biểu đồ tốc độ tăng trưởng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội theo thành phần kinh tế. | A |
| 74 | - Định hướng chính để khai thác hiệu quả thế mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm ở vùng Đồng bằng sông Hồng nước ta là sản xuất hàng hóa, hiện đại hóa công nghiệp chế biến. | D |

| | | |
|----|---|---|
| 75 | - Tác động chủ yếu của việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài đến phát triển công nghiệp ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nước ta là hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất ven biển, đẩy nhanh công nghiệp hóa. | A |
| 76 | - Việc xây dựng hệ thống các cảng biển ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu là tạo ra thế mở cửa để hội nhập, thúc đẩy phát triển kinh tế. | A |
| 77 | - Biện pháp chủ yếu nâng cao giá trị sản phẩm cây cà phê ở Tây Nguyên là áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đẩy mạnh xuất khẩu. | D |
| 78 | - Mục đích chủ yếu của việc sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là khai thác hiệu quả tài nguyên, thúc đẩy phát triển kinh tế. | C |
| 79 | - Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có khí hậu khác với phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do tác động của vị trí gần chí tuyến, gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc, địa hình núi. | C |
| 80 | - Kết hợp. | B |

ĐỀ 2

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

Môn: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề

Câu 41: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐẬU TƯƠNG CỦA CAMPUCHIA VÀ THÁI LAN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

(Đơn vị: nghìn tấn)

| Nước | 2015 | 2017 | 2019 | 2020 |
|-------------|-------|------|------|------|
| Cam-pu-chia | 104,2 | 95,0 | 30,0 | 31,0 |
| Thái Lan | 57,7 | 41,2 | 35,5 | 27,2 |

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi sản lượng đậu tương của Cam-pu-chia và Thái Lan giai đoạn 2015 - 2020?

- A. Cam-pu-chia giảm chậm hơn Thái Lan. B. Cam-pu-chia tăng, Thái Lan giảm.
C. Thái Lan giảm chậm hơn Cam-pu-chia. D. Cam-pu-chia giảm, Thái Lan tăng.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết địa điểm nào có lượng mưa trung bình tháng VIII cao nhất trong các địa điểm sau đây?

- A. Sa Pa. B. Hà Nội. C. Lạng Sơn. D. Thanh Hóa.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất dưới 1000MW?

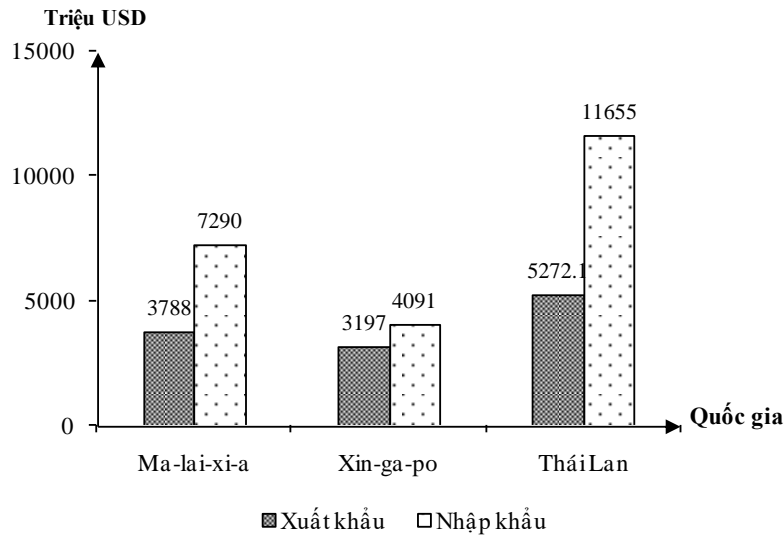
- A. Bà Rịa. B. Phú Mỹ. C. Cà Mau. D. Phả Lại.

Câu 44: Sản phẩm nào sau đây của nước ta thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi?

- A. Cà phê nhân. B. Nước mắm. C. Thịt hộp. D. Gạo, ngô.

Câu 45: Cho biểu đồ:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á, NĂM 2019



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh giá trị nhập siêu của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2019?

- A. Xin-ga-po cao hơn Thái Lan. B. Ma-lai-xi-a thấp hơn Xin-ga-po.
C. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. D. Xin-ga-po thấp hơn Thái Lan.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo?

- A. Nghệ An. B. Thanh Hóa. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khoáng sản nào sau đây?

- A. Than đá. B. Than nâu. C. Thiếc. D. Than bùn.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông Sài Gòn thuộc lưu vực sông nào sau đây?

- A. Đà Rằng. B. Đồng Nai. C. Mê Công. D. Thu Bồn.

Câu 49: Công nghiệp trọng điểm của nước ta là những ngành

- A. hàng hóa đa dạng. B. nhiều lao động giỏi. C. có vốn đầu tư lớn. D. có thế mạnh lâu dài.

Câu 50: Vấn đề quan trọng nhất trong phát triển nông nghiệp theo chiều sâu của Đông Nam Bộ hiện nay là

- A. tăng cường thủy lợi. B. thu hút vốn đầu tư. C. đổi mới công nghệ. D. mở rộng diện tích.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết có nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc tỉnh Ninh Thuận?

- A. Xê Xan 3A. B. A Vương. C. Xê Xan 3. D. Đa Nhim.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Tây Trang. B. Mộc Bài. C. Hữu nghị. D. Nậm Cắn.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết sân bay nào sau đây là sân bay quốc tế?

- A. Rạch Giá. B. Liên Khương. C. Cát Bi. D. Nà Sản.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm ở độ cao thấp nhất?

- A. Hang Pác Bó. B. Yok Đôn. C. Cát Tiên. D. Núi Chúa.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết khoáng sản nào sau đây được khai thác ở Sinh Quyền?

- A. Graphit. B. Đồng. C. Apatit. D. Than đá.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết luyện kim màu có ở trung tâm công nghiệp nào sau đây?

- A. Thái Nguyên. B. Hưng Yên. C. Nam Định. D. Thanh Hóa.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số trên 1.000.000 người?

- A. Phan Thiết. B. Hạ Long. C. Nam Định. D. TP Hồ Chí Minh.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây tiếp giáp Biển Đông?

- A. Tuyên Quang. B. Quảng Ninh. C. Yên Bái. D. Thái Nguyên.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết đảo nào sau đây thuộc Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Hòn Mê. B. Biện Sơn. C. Cái Bầu. D. Hòn Mất.

Câu 60: Biện pháp hàng đầu để bảo vệ loại rừng phòng hộ của nước ta là

- A. bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh vật. B. trồng rừng trên đất trống, đồi trọc.
C. duy trì và phát triển độ phì đất rừng. D. duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng.

Câu 61: Khu vực nào sau đây của nước ta thường chịu hậu quả của bão nhiều nhất?

- A. Miền Trung. B. Tây Bắc. C. Nam Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Lâm Đồng. B. Sóc Trăng. C. Bến Tre. D. Bình Thuận.

Câu 63: Xu hướng nổi bật nhất của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là

- A. ứng dụng tiến bộ khoa học và kĩ thuật. B. đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.
C. tăng tỉ trọng sản phẩm không giết thịt. D. phát triển mạnh dịch vụ về giống, thú y.

Câu 64: Thuận lợi chủ yếu của nước ta về tự nhiên để phát triển nuôi trồng hải sản là

- A. có nhiều sông suối và các hồ rộng. B. nhiều cửa sông rộng và ở gần nhau.
C. nhiều đầm phá, ô trũng ở đồng bằng. D. có vịnh, bãi triều và rừng ngập mặn.

Câu 65: Việc tăng tỉ trọng các sản phẩm công nghiệp cao cấp, có chất lượng cao của nước ta chủ yếu nhằm

- A. tăng sức cạnh tranh trên thị trường. B. thúc đẩy ngành dịch vụ phát triển.
C. khai thác triệt để nguồn khoáng sản. D. thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

Câu 66: Lao động nước ta hiện nay

- A. có đội ngũ cán bộ quản lí đông đảo. B. tập trung chủ yếu ở khu vực đô thị.
C. chất lượng ngày càng được nâng cao. D. chủ yếu đã qua trường lớp đào tạo.

Câu 67: Các đảo ven bờ nước ta

- A. đều có khu dự trữ sinh quyển. B. có khả năng để nuôi trồng thủy sản.
C. tập trung phát triển khai khoáng. D. có nhiều thuận lợi trồng cây thực phẩm.

Câu 68: Vùng lãnh hải của biển nước ta

- A. thuộc chủ quyền quốc gia trên biển. B. rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.
C. là bộ phận lãnh thổ trên đất liền. D. có độ sâu tới 200m hoặc hơn nữa.

Câu 69: Các đô thị nước ta hiện nay

- A. chủ yếu phát triển nông nghiệp. B. tạo động lực cho sự tăng trưởng.
C. là các trung tâm kinh tế rất lớn. D. có thị trường tiêu thụ hạn chế.

Câu 70: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

- A. có tính phục vụ cao, mạng lưới rộng khắp. B. công nghệ còn lạc hậu, nghiệp vụ thủ công.
C. chưa đạt được chuẩn của quốc tế và khu vực. D. tốc độ phát triển nhanh vượt bậc, dần hiện đại.

Câu 71: Mục đích chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là

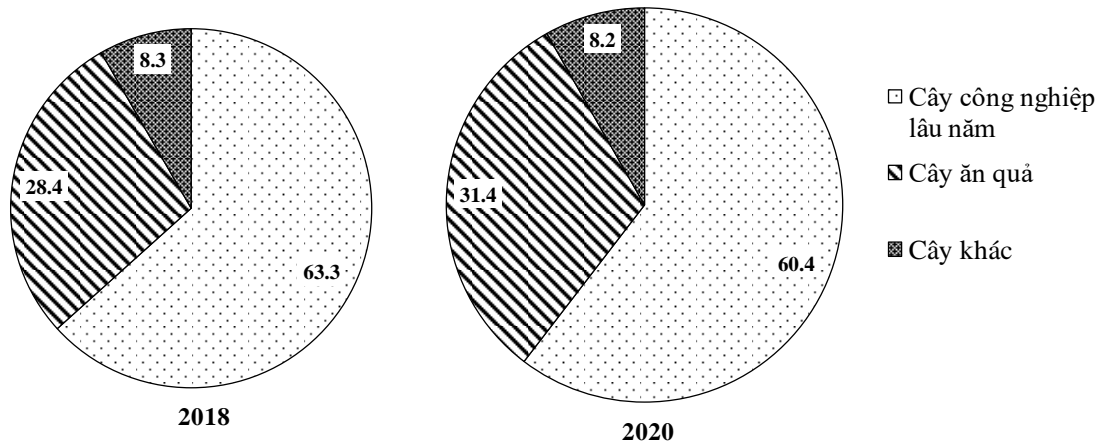
- A. đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, giải quyết tốt vấn đề việc làm.
B. đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, giải quyết vấn đề về tài nguyên, môi trường.

- C. đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường.
- D. phát huy tiềm năng có sẵn, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Câu 72: Giải pháp quan trọng nhằm kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của khách du lịch ở nước ta là

- A. tăng cường các điểm du lịch, bảo vệ tài nguyên du lịch.
- B. hiện đại hóa các sân bay, nâng cao chất lượng lao động.
- C. đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng cường cơ sở lưu trú.
- D. bảo vệ tài nguyên và môi trường, tăng cường quảng bá.

Câu 73: Cho biểu đồ về diện tích các loại cây lâu năm của nước ta năm 2018 và 2020(Đơn vị:%):



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB thống kê 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng cây lâu năm.
- B. Tốc độ tăng giá trị sản lượng các cây lâu năm.
- C. Quy mô, cơ cấu diện tích các loại cây lâu năm.
- D. Quy mô, cơ cấu sản lượng các loại cây lâu năm

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm, đáp ứng thị trường.
- B. khai thác hợp lý tài nguyên, hình thành vùng chuyên canh.
- C. vận chuyển sản phẩm dễ dàng, bảo quản sản phẩm tốt hơn.
- D. chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, tạo tập quán sản xuất mới.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tạo mối giao lưu kinh tế Bắc - Nam, thu hút đầu tư, phát triển du lịch.
- B. phát triển kinh tế ở phía tây, hình thành đô thị mới, phân bố lại dân cư.
- C. tạo thế mở cửa, khai thác tốt các thế mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế.
- D. phát triển nền kinh tế mở, hình thành khu kinh tế, tăng cường giao lưu.

Câu 76: Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng Sông Hồng là

- A. đào tạo lao động, sử dụng hiệu quả các thế mạnh.
- B. thúc đẩy công nghiệp hóa, đẩy mạnh xuất khẩu.
- C. mở rộng liên kết các nước, đa dạng hóa sản xuất.
- D. đổi mới thiết bị hiện đại, sử dụng công nghệ mới.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển kinh tế ở Bắc Trung Bộ là

- A. tạo việc làm, sử dụng hợp lý tài nguyên, đẩy mạnh sản xuất.
- B. phát huy thế mạnh, nâng cao mức sống, tăng trưởng kinh tế.
- C. mở rộng sản xuất, tạo sản phẩm đa dạng, phân bố lại dân cư.
- D. thay đổi sản xuất, thu hút đầu tư, nâng cao vai trò của vùng.

Câu 78: Cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác động chủ yếu của

- A. chuyên môn hóa nông nghiệp, tăng cường hoạt động xuất khẩu.
- B. đa dạng hóa nông nghiệp, gắn nông nghiệp công nghiệp chế biến.
- C. ứng dụng khoa học kĩ thuật, giải quyết việc làm cho người dân.
- D. sản xuất theo hướng hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Câu 79: Sinh vật nước ta đa dạng do kết quả tác động của các nhân tố chủ yếu là

- A. khí hậu phân hoá, con người lai tạo giống, vị trí trung tâm Đông Nam Á.
- B. địa hình phần lớn đồi núi, vị trí giáp biển, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. địa hình đa dạng, đất đai phong phú, biến đổi khí hậu, con người lai tạo.
- D. vị trí nơi gặp gỡ của các luồng di cư, địa hình, khí hậu, đất đai đa dạng.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN, SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2000 - 2019

| Năm | Tổng số dân (triệu người) | Số dân thành thị (triệu người) | Gia tăng dân số tự nhiên (%) |
|------|------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|
| 2000 | 77,6 | 18,8 | 1,36 |
| 2010 | 86,9 | 26,5 | 1,03 |
| 2015 | 91,7 | 31,1 | 0,94 |
| 2019 | 96,2 | 33,1 | 0,90 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tổng số dân, số dân thành thị và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta giai đoạn 2000 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Kết hợp.
- C. Tròn
- D. Đường.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

| | | | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 41.C | 42.A | 43.A | 44.C | 45.D | 46.D | 47.D | 48.B | 49.D | 50.A |
| 51.D | 52.D | 53.C | 54.D | 55.B | 56.A | 57.D | 58.B | 59.C | 60.B |
| 61.A | 62.B | 63.B | 64.D | 65.A | 66.C | 67.B | 68.A | 69.B | 70.D |
| 71.C | 72.C | 73.C | 74.A | 75.C | 76.D | 77.B | 78.D | 79.D | 80.B |

| CÂU | GIẢI | ĐÁP ÁN |
|-----|---|--------|
| 41 | - Theo bảng số liệu, nhận xét đúng với sự thay đổi sản lượng đậu tương của Cam-pu-chia và Thái Lan giai đoạn 2015 – 2020 là Thái Lan giảm chậm hơn Cam-pu-chia. | C |
| 42 | - Sa Pa. | A |
| 43 | - Bà Rịa. | A |
| 44 | - Thịt hộp. | C |
| 45 | - Theo biểu đồ, nhận xét đúng khi so sánh giá trị nhập siêu của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2019 là Xin-ga-po thấp hơn Thái Lan. | D |
| 46 | - Hà Tĩnh. | D |
| 47 | - Than bùn. | D |
| 48 | - Đồng Nai. | B |
| 49 | - Công nghiệp trọng điểm của nước ta là những ngành có thế mạnh lâu dài. | D |
| 50 | - Vấn đề quan trọng nhất trong phát triển nông nghiệp theo chiều sâu của Đông Nam Bộ hiện nay là tăng cường thủy lợi. | A |
| 51 | - Đa Nhim. | D |
| 52 | - Nậm Cắn. | D |
| 53 | - Cát Bi. | C |
| 54 | - Núi Chúa. | D |
| 55 | - Đồng. | B |
| 56 | - Thái Nguyên. | A |

| | | |
|----|---|---|
| 57 | - TP. Hồ Chí Minh. | D |
| 58 | - Quảng Ninh. | B |
| 59 | - Cái Bàu. | C |
| 60 | - Biện pháp hàng đầu để bảo vệ loại rừng phòng hộ của nước ta là trồng rừng trên đất trống, đồi trọc. | B |
| 61 | - Miền Trung. | A |
| 62 | - Sóc Trăng. | B |
| 63 | - Xu hướng nổi bật nhất của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa. | B |
| 64 | - Thuận lợi chủ yếu của nước ta về tự nhiên để phát triển nuôi trồng hải sản là có vịnh, bãi triều và rừng ngập mặn. | D |
| 65 | - Việc tăng tỉ trọng các sản phẩm công nghiệp cao cấp, có chất lượng cao của nước ta chủ yếu nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường. | A |
| 66 | - Lao động nước ta hiện nay chất lượng ngày càng được nâng cao. | C |
| 67 | - Các đảo ven bờ nước ta có khả năng để nuôi trồng thủy sản. | B |
| 68 | - Vùng lãnh hải của biển nước ta là thuộc chủ quyền quốc gia trên biển. | A |
| 69 | - Các đô thị nước ta hiện nay tạo động lực cho sự tăng trưởng. | B |
| 70 | - Ngành viễn thông nước ta hiện nay tốc độ phát triển nhanh vượt bậc, dần hiện đại. | D |
| 71 | - Mục đích chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường. | C |
| 72 | - Giải pháp quan trọng nhằm kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của khách du lịch ở nước ta là đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tăng cường cơ sở lưu trú. | C |
| 73 | - Biểu đồ quy mô, cơ cấu diện tích các loại cây lâu năm. | C |
| 74 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên là nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm, đáp ứng thị trường. | A |
| 75 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ là tạo thế mở cửa, khai thác tốt các thế mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế. | C |
| 76 | - Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng Sông Hồng là đổi mới thiết bị hiện đại, sử dụng công nghệ mới. | D |
| 77 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển kinh tế ở Bắc Trung Bộ là phát huy thế mạnh, nâng cao mức sống, tăng trưởng kinh tế. | B |
| 78 | - Cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác động chủ yếu của | D |
| 79 | - Sinh vật nước ta đa dạng do kết quả tác động của các nhân tố chủ yếu là vị trí nơi gặp gỡ của các luồng di cư, địa hình, khí hậu, đất đai đa dạng. | D |
| 80 | - Biểu đồ kết hợp. | B |

ĐỀ 3**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024****Môn: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề***Câu 41:** Cho bảng số liệu:**DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2020**

| Quốc gia | In-đô-nê-xi-a | Cam-pu-chia | Ma-lai-xi-a | Phi-lip-pin |
|------------------------------------|---------------|-------------|-------------|-------------|
| Diện tích (nghìn km ²) | 1916,9 | 181,0 | 330,3 | 300,0 |
| Dân số (triệu người) | 271,7 | 15,5 | 32,8 | 109,6 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có mật độ dân số cao nhất?

- A. Cam-pu-chia. B. In-đô-nê-xi-a. C. Phi-lip-pin. D. Ma-lai-xi-a.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu Bắc Trung Bộ có trạm khí tượng nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Đồng Hới. C. Hà Nội. D. Lạng Sơn.

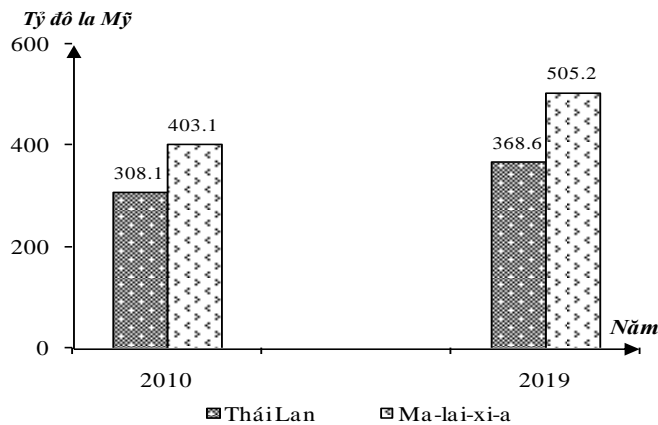
Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết ngành chế biến thủy hải sản có ở trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây?

- A. Yên Bái. B. Hạ Long. C. Thái Nguyên. D. Mộc Châu.

Câu 44: Trong quá trình công nghiệp hóa ở nước ta, ngành nào sau đây được ưu tiên phát triển trước một bước là

- A. chế biến thủy sản. B. khai thác dầu khí. C. công nghiệp điện lực. D. chế biến lương thực.

Câu 45: Cho biểu đồ:



GDP CỦA VIỆT NAM, THÁI LAN VÀ MA-LAI-XI-A NĂM 2015 VÀ 2019

(Số liệu theo Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh về GDP của Thái Lan và Ma-lai-xi-a năm 2019 so với năm 2010?

- A. Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn Thái Lan. B. Ma-lai-xi-a tăng nhanh hơn Thái Lan.
C. Thái Lan tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a. D. Thái Lan tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Hải Phòng. B. Nam Định. C. Hải Dương. D. Hạ Long.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết đồng bằng sông Cửu Long có khoáng sản nào sau đây?

- A. Đất hiếm. B. Than bùn. C. Apatit. D. Chì - kẽm.

Câu 48: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai?

- A. Sông La Ngà. B. Sông Kỳ Lộ. C. Sông Đà Rằng. D. Sông Trà Khúc.

Câu 49: Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

- A. tăng sản phẩm chất lượng thấp. B. tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.
C. ưu tiên sản phẩm cạnh tranh thấp. D. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.

Câu 50: Thế mạnh nổi bật trong nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là

A. trồng cây dược liệu. B. trồng cây công nghiệp. C. trồng cây lương thực. D. chăn nuôi đại gia súc.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết khu kinh tế ven biển Nhơn Hội thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Nam. B. Ninh Thuận. C. Quảng Ngãi. D. Bình Định.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng biển Nhật Lệ thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Trị. C. Thanh Hóa. D. Quảng Bình.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ 19 đi qua địa điểm nào sau đây?

- A. Đà Nẵng. B. Kon Tum. C. Pleiku. D. Nha Trang.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây là trung tâm vùng?

- A. Cần Thơ. B. TP. Hồ Chí Minh. C. Đà Nẵng. D. Huế.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết sông Lô chảy qua tỉnh nào sau đây?

- A. Cao Bằng. B. Hà Giang. C. Lạng Sơn. D. Lào Cai.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim đen?

- A. Vinh. B. Đà Nẵng. C. Cà Mau. D. Hải Phòng.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết tỉnh nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất?

- A. TP. Hồ Chí Minh. B. Đắk Nông. C. Tây Ninh. D. Bình Phước.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết đảo Cái Bàu thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Nam Định. B. Thái Bình. C. Thanh Hóa. D. Quảng Ninh.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết địa điểm nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Cửa Ba Lạt. B. Đèo Ngang. C. Đèo Hải Vân. D. Cửa Thuận An.

Câu 60: Hạn hán ở nước ta

A. xảy ra trong mùa khô. B. chỉ có tại nơi khuất gió. C. chỉ xảy ra ở miền núi. D. kéo dài nhất tại miền Bắc.

Câu 61: Biện pháp bảo vệ rừng phòng hộ ở nước ta là

- A. trồng rừng trên đất trống đồi trọc. B. bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên.
C. duy trì và phát triển chất lượng rừng. D. đẩy mạnh công nghiệp chế biến gỗ.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn lâu năm?

- A. Quảng Trị. B. Yên Bái. C. Thái Nguyên. D. Thanh Hóa.

Câu 63: Hoạt động chăn nuôi gia súc của nước ta hiện nay

- A. đã đem lại hiệu quả sản xuất rất cao. B. hoàn toàn dùng thức ăn từ tự nhiên.
C. chỉ phát triển ở khu vực đồng bằng. D. tạo ra được các sản phẩm hàng hóa.

Câu 64: Hoạt động chế biến lâm sản của nước ta hiện nay

- A. có phần lớn là lao động trình độ cao. B. có hầu hết sản phẩm để xuất khẩu.
C. tạo ra nhiều loại sản phẩm khác nhau. D. chỉ phát triển ở địa phương có rừng.

Câu 65: Cơ cấu kinh tế theo thành phần của nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung vào kinh tế Nhà nước. B. tỉ trọng vốn đầu tư nước ngoài giảm.
C. kinh tế tư nhân đóng vai trò chủ đạo. D. thay đổi phù hợp với xu thế hội nhập.

Câu 66: Dân cư nước ta hiện nay

- A. tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng. B. hoàn toàn sống ở vùng nông thôn.
C. có tỉ lệ gia tăng tự nhiên rất cao. D. có xu hướng giảm quy mô dân số.

Câu 67: Tài nguyên sinh vật biển của nước ta

- A. phân bố ở các cửa sông, vịnh biển. B. phân bố ở các đảo lớn ngoài khơi.
C. phong phú, đang bị suy giảm nhanh. D. tập trung chủ yếu ở vùng ven bờ.

Câu 68: Đường biên giới trên đất liền của nước ta kéo dài, gây khó khăn cho

- A. bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.
- B. thu hút đầu tư nước ngoài.
- C. phát triển nền văn hóa.
- D. khai thác các khoáng sản.

Câu 69: Các thành phố ở nước ta hiện nay

- A. là thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- B. hoàn toàn trực thuộc các tỉnh.
- C. tập trung ở khu vực miền núi.
- D. chỉ có chức năng hành chính.

Câu 70: Giao thông vận tải nước ta hiện nay

- A. chỉ có tuyến đường bay quốc tế.
- B. chỉ tập trung phát triển đường ô tô.
- C. đã hình thành cảng biển nước sâu.
- D. đường sông có vai trò lớn nhất.

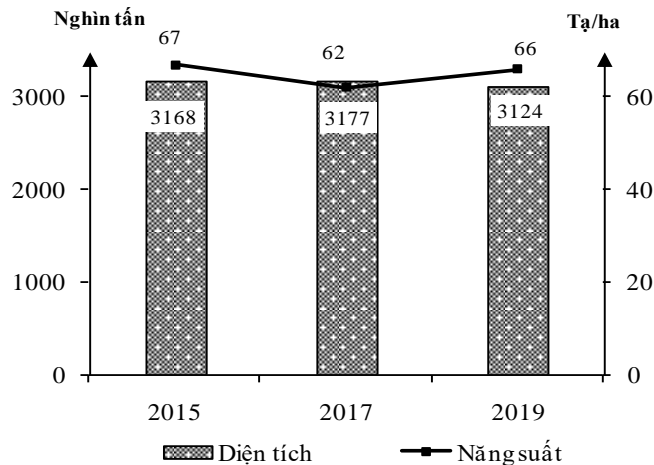
Câu 71: Mục đích chủ yếu của việc đầu tư phát triển các cửa khẩu ở Bắc Trung Bộ là

- A. thu hút các nguồn vốn, phát triển kinh tế biên giới, hình thành nhiều đô thị mới.
- B. đẩy mạnh xuất khẩu, phân bố lại dân cư, giải quyết việc làm cho nhiều lao động.
- C. tăng cường hợp tác, chuyển dịch cơ cấu ngành, thúc đẩy sự phân công lao động.
- D. mở rộng thị trường, tăng cường trao đổi hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế.

Câu 72: Giá trị nhập khẩu của nước ta tăng nhanh chủ yếu do

- A. nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng nhanh và tâm lý sính ngoại của người dân.
- B. sản xuất trong nước phát triển, nhu cầu nguyên liệu, tư liệu sản xuất tăng nhanh.
- C. dân số tăng, chất lượng cuộc sống được cải thiện và nhu cầu ngày càng đa dạng.
- D. sản phẩm trong nước chưa đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng và mẫu mã.

Câu 73: Cho biểu đồ về lúa đông xuân của nước ta giai đoạn 2015 - 2019:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu diện tích và năng suất lúa đông xuân.
- B. Tốc độ tăng trưởng diện tích và năng suất lúa đông xuân.
- C. Thay đổi quy mô diện tích và năng suất lúa đông xuân.
- D. Thay đổi cơ cấu diện tích và năng suất lúa đông xuân.

Câu 74: Biện pháp chủ yếu nâng cao giá trị sản phẩm cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. tăng cường chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. sản xuất tập trung, sử dụng nhiều giống tốt.
- C. sử dụng nhiều lao động, mở rộng diện tích.
- D. mở rộng thị trường, phát triển các trang trại.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. tăng sản phẩm hàng hóa, đa dạng sản xuất.
- B. tạo nhiều nông sản, phát huy các thế mạnh.
- C. cải tạo đất, đẩy mạnh hoạt động trồng trọt.
- D. sử dụng hợp lý tự nhiên, phát triển kinh tế.

Câu 76: Mục đích chủ yếu của việc đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. phát huy thế mạnh, thay đổi cơ cấu kinh tế.
- B. thay đổi bộ mặt ven biển, nâng vị thế vùng.
- C. tăng sản lượng, nâng cao mức sống dân cư.
- D. tạo việc làm, tìm kiếm các ngư trường mới.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển du lịch ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo ra nhiều việc làm, sử dụng hợp lý tài nguyên, đẩy mạnh sản xuất.
- B. phát huy thế mạnh, nâng cao mức sống, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.

- C. thay đổi cơ cấu sản xuất, thu hút nguồn đầu tư, nâng cao vai trò vùng.
D. mở rộng sản xuất hàng hóa, tạo sản phẩm đa dạng, phân bố lại dân cư.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu trong phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. nâng cao chất lượng lao động, thay đổi thị trường và nguồn nguyên liệu.
B. thu hút vốn, đổi mới công nghệ, đảm bảo nguyên liệu và thị trường.
C. hình thành vùng chuyên canh, đổi mới chính sách và hiện đại hóa.
D. tăng nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng quy mô các nhà máy chế biến.

Câu 79: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có khí hậu khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc, vị trí gần chí tuyến, địa hình núi.
B. vị trí ở nội chí tuyến, địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây.
C. địa hình có núi cao, vị trí ở khu vực gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc.
D. núi cao, gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới, vị trí ở xa xích đạo.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA Ở MỘT SỐ VÙNG CỦA NƯỚC TA, NĂM 2020

| Vùng | Diện tích (nghìn ha) | Sản lượng (nghìn tấn) |
|-----------------------------|----------------------|-----------------------|
| Đồng bằng sông Hồng | 983,4 | 6035,3 |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 665,1 | 3391,5 |
| Tây Nguyên | 246,9 | 1413,7 |
| Đông Nam Bộ | 262,0 | 1405,9 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3963,7 | 23819,3 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và sản lượng lúa ở một số vùng nước ta năm 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Kết hợp. C. Miền. D. Cột.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

| | | | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 41.C | 42.B | 43.B | 44.C | 45.B | 46.D | 47.B | 48.A | 49.B | 50.B |
| 51.D | 52.D | 53.C | 54.A | 55.B | 56.D | 57.B | 58.D | 59.A | 60.A |
| 61.A | 62.D | 63.D | 64.C | 65.D | 66.A | 67.C | 68.A | 69.A | 70.C |
| 71.D | 72.B | 73.C | 74.A | 75.D | 76.C | 77.B | 78.B | 79.A | 80.D |

| CÂU | GIẢI | ĐÁP ÁN |
|-----|---|--------|
| 41 | - Philippin có mật độ dân số cao nhất. | C |
| 42 | - Đồng Hới. | B |
| 43 | - Hạ Long. | B |
| 44 | - Trong quá trình công nghiệp hóa ở nước ta, ngành nào sau đây được ưu tiên phát triển trước một bước là công nghiệp điện lực. | C |
| 45 | - Theo biểu đồ, nhận xét đúng khi so sánh về GDP của Thái Lan và Ma-lai-xi-a năm 2019 so với năm 2010 là Ma-lai-xi-a tăng nhanh hơn Thái Lan. | B |
| 46 | - Hạ Long. | D |
| 47 | - Than bùn. | B |
| 48 | - Sông La Ngà. | A |
| 49 | - Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến. | B |
| 50 | - Thế mạnh nổi bật trong nông nghiệp ở Đông Nam Bộ là trồng cây công nghiệp. | B |

| | | |
|----|---|----------|
| 51 | - Bình Định. | D |
| 52 | - Quảng Bình. | D |
| 53 | - Pleiku. | C |
| 54 | - Cần Thơ. | A |
| 55 | - Hà Giang. | B |
| 56 | - Hải Phòng. | D |
| 57 | - Đắk Nông. | B |
| 58 | - Quảng Ninh. | D |
| 59 | - Cửa Ba Lạt. | A |
| 60 | - Hạn hán nước ta thường xảy ra trong mùa khô. | A |
| 61 | - Biện pháp bảo vệ rừng phòng hộ ở nước ta là trồng rừng trên đất trống đồi trọc. | A |
| 62 | - Thanh Hóa. | D |
| 63 | - Hoạt động chăn nuôi gia súc của nước ta hiện nay tạo ra được các sản phẩm hàng hóa. | D |
| 64 | - Hoạt động chế biến lâm sản của nước ta hiện nay tạo ra nhiều loại sản phẩm khác nhau. | C |
| 65 | - Cơ cấu kinh tế theo thành phần của nước ta hiện nay thay đổi phù hợp với xu thế hội nhập. | D |
| 66 | - Dân cư nước ta hiện nay tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng. | A |
| 67 | - Tài nguyên sinh vật biển của nước ta phong phú, đang bị suy giảm nhanh. | C |
| 68 | - Đường biên giới trên đất liền của nước ta kéo dài, gây khó khăn cho bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. | A |
| 69 | - Các thành phố ở nước ta hiện nay là thị trường tiêu thụ rộng lớn. | A |
| 70 | - Giao thông vận tải nước ta hiện nay đã hình thành cảng biển nước sâu. | C |
| 71 | - Mục đích chủ yếu của việc đầu tư phát triển các cửa khẩu ở Bắc Trung Bộ là mở rộng thị trường, tăng cường trao đổi hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế. | D |
| 72 | - Giá trị nhập khẩu của nước ta tăng nhanh chủ yếu do sản xuất trong nước phát triển, nhu cầu nguyên liệu, tư liệu sản xuất tăng nhanh. | B |
| 73 | - Biểu đồ thay đổi quy mô diện tích và năng suất lúa đông xuân. | C |
| 74 | - Biện pháp chủ yếu nâng cao giá trị sản phẩm cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là tăng cường chế biến, đẩy mạnh xuất khẩu. | A |
| 75 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long là sử dụng hợp lý tự nhiên, phát triển kinh tế. | D |
| 76 | - Mục đích chủ yếu của việc đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ ở Duyên hải Nam Trung Bộ là tăng sản lượng, nâng cao mức sống dân cư. | C |
| 77 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển du lịch ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là phát huy thế mạnh, nâng cao mức sống, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế. | B |
| 78 | - Giải pháp chủ yếu trong phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng là thu hút vốn, đổi mới công nghệ, đảm bảo nguyên liệu và thị trường. | B |
| 79 | - Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có khí hậu khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do tác động của gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc, vị trí gần chí tuyến, địa hình núi. | A |

| | | |
|----|----------------|---|
| 80 | - Biểu đồ cột. | D |
|----|----------------|---|

ĐỀ 4**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024****Môn: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề***Câu 41:** Cho bảng số liệu:**SỐ DÂN VÀ TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2019**

| Quốc gia | Ma-lai-xi-a | Phi-lip-pin | Việt Nam | Xin-ga-po |
|----------------------|-------------|-------------|----------|-----------|
| Số dân (triệu người) | 32,8 | 109,6 | 97,6 | 5,8 |
| GDP (tỉ đô la Mỹ) | 364,7 | 376,8 | 261,9 | 372,1 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống Kê, 2020)

Theo bảng số liệu, quốc gia nào sau đây có GDP bình quân đầu người năm 2019 thấp nhất?

- A. Việt Nam. B. Phi-lip-pin. C. Xin-ga-po. D. Ma-lai-xi-a.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây ở nước ta giáp với cả Lào và Campuchia?

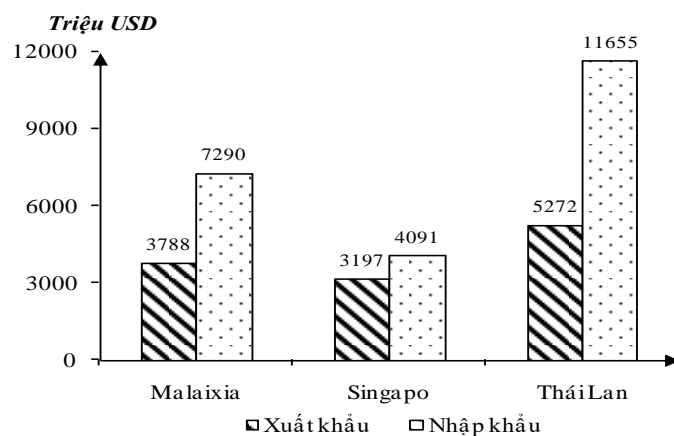
- A. Kiên Giang. B. Điện Biên. C. Quảng Ninh. D. Kon Tum.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim đen?

- A. Đà Nẵng. B. Vinh. C. Cà Mau. D. Hải Phòng.

Câu 44: Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta là

- A. than đá. B. dầu mỏ. C. khí đốt. D. than bùn.

Câu 45: Cho biểu đồ:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2019

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh giá trị nhập siêu của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2019?

- A. Xin-ga-po cao hơn Thái Lan. B. Ma-lai-xi-a thấp hơn Xin-ga-po.
C. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. D. Xin-ga-po thấp hơn Thái Lan.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết đèo Ngang thuộc dãy núi nào sau đây?

- A. Bạch Mã. B. Hoàng Liên Sơn. C. Tam Điệp. D. Hoàng Sơn.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây có GDP bình quân đầu người từ trên 15 đến 18 triệu đồng năm 2007?

- A. Khánh Hòa. B. Phú Yên. C. Bình Thuận. D. Ninh Thuận.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết tỉnh nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất?

- A. TP. Hồ Chí Minh. B. Đắk Nông. C. Tây Ninh. D. Bình Phước.

Câu 49: Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay

- A. phân hóa rõ rệt. B. tăng trưởng rất chậm. C. sản phẩm ít đa dạng. D. chưa có chế biến.

Câu 50: Dầu khí của Đông Nam Bộ là nguyên liệu cho

- A. luyện kim đen. B. sản xuất giấy. C. luyện kim màu. D. sản xuất đạm.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

- A. Cần Thơ. B. Hạ Long. C. Nha Trang. D. Hà Nội.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết sông Mã chảy qua tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Thanh Hóa. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết điểm dân cư Mường Tè thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Sơn La. B. Lai Châu. C. Điện Biên. D. Cao Bằng.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết các tuyến đường ô tô nào sau đây nối liền vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên?

- A. Quốc lộ 14 và 20. B. Quốc lộ 13 và 14. C. Quốc lộ 1 và 14. D. Quốc lộ 1 và 13.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp, cho biết nơi nào sau đây là một điểm công nghiệp?

- A. Nha Trang. B. Rạch Giá. C. Thanh Hóa. D. Kon Tum.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết tuyến đường bộ nào sau đây nối liền cửa khẩu quốc tế Na Mèo với Ninh Bình?

- A. Đường 279. B. Đường 21. C. Đường 7. D. Đường 217.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực dưới 60%?

- A. Lạng Sơn. B. Thái Nguyên. C. Hà Giang. D. Tuyên Quang.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?

- A. Cát Bà. B. Ba Bể. C. Xuân Sơn. D. Xuân Thủy.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết hướng gió chính tại trạm khí tượng TP. Hồ Chí Minh vào tháng VII?

- A. Tây bắc. B. Đông bắc. C. Tây nam. D. Đông nam.

Câu 60: Biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở nước ta hiện nay là

- A. định canh định cư. B. quản lí chặt chẽ. C. phòng chống ô nhiễm. D. đẩy mạnh trồng rừng.

Câu 61: Giải pháp để giảm thiệt hại do lũ quét gây ra ở nước ta là

- A. phát triển vốn rừng. B. xây hồ thủy điện. C. củng cố đê biển. D. trồng cây ven biển.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết bán đảo Hòn Gốm thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Nam. B. Quảng Ngãi. C. Bình Định. D. Khánh Hòa.

Câu 63: Trồng cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay

- A. chiếm chủ yếu trong cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp.
B. phát triển mạnh ở hai vùng đồng bằng châu thổ lớn nhất cả nước.
C. các sản phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường thế giới.
D. phù sa là loại đất quan trọng để hình thành các vùng chuyên canh.

Câu 64: Biện pháp quan trọng nhất để đảm bảo khai thác lâu dài nguồn lợi hải sản ở vùng biển nước ta là

- A. cấm khai thác tận diệt nguồn lợi ven bờ. B. đẩy mạnh các cơ sở chế biến hải sản.
C. đẩy mạnh mở rộng thị trường tiêu thụ. D. hạn chế xuất khẩu hải sản chưa chế biến.

Câu 65: Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của nước ta hiện nay

- A. lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí. B. nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.
C. tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng. D. hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.

Câu 66: Nguồn lao động của nước ta hiện nay

- A. còn thiếu công nhân kĩ thuật. B. phần lớn ở khu vực thành thị.
C. chỉ có kinh nghiệm làm ruộng. D. toàn bộ đã được qua đào tạo.

Câu 67: Ý nghĩa chủ yếu của việc đánh bắt thủy sản xa bờ ở nước ta là

- A. phòng chống các thiên tai trên biển. B. cung cấp nguyên liệu cho chế biến.
C. bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. D. khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản.

Câu 68: Hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang của nước ta đã

- A. tạo sự phân hóa thiên nhiên rõ rệt từ đông sang tây.
B. tạo điều kiện cho biển ảnh hưởng sâu vào đất liền.
C. làm cho thiên nhiên từ Bắc vào Nam khá đồng nhất.
D. làm cho thiên nhiên phân hóa theo độ cao địa hình.

Câu 69: Các thành phố nước ta hiện nay

- A. có cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại. B. tập trung chủ yếu ở vùng trung du.
C. chất lượng cuộc sống dân cư rất cao. D. có cùng một cấp phân loại đô thị.

Câu 70: Ngành bưu chính nước ta hiện nay

- A. chưa có các hoạt động kinh doanh. B. phân bố tập trung ở miền đồi núi.
C. phát triển theo hướng tin học hóa. D. nguồn lao động chưa qua đào tạo.

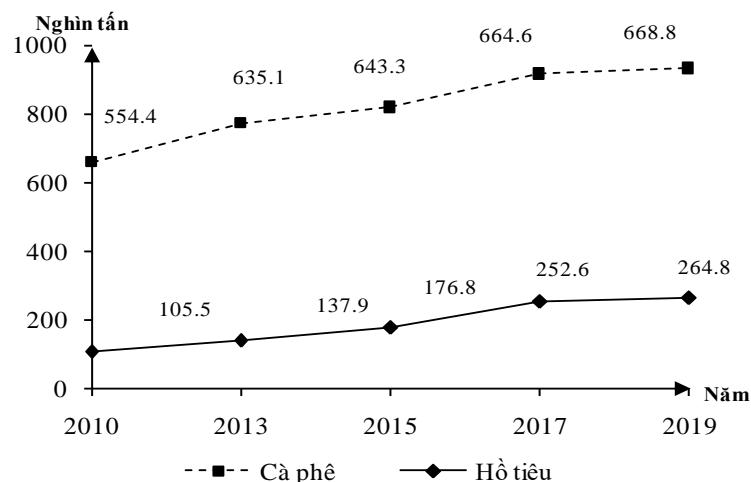
Câu 71: Giải pháp chủ yếu phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng hàng hóa ở Bắc Trung Bộ là

- A. bảo đảm tốt chuồng trại, tăng mạnh chất lượng, sản xuất tập trung.
B. bảo đảm nguồn thức ăn, đẩy mạnh lai tạo giống, phòng dịch bệnh.
C. phát triển trồng trọt, áp dụng tiến bộ kĩ thuật, mở rộng thị trường.
D. cải tạo đồng cỏ, sử dụng các giống tốt, chế biến thức ăn thích hợp.

Câu 72: Cơ cấu hàng nhập khẩu nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu là do

- A. có nhiều thành phần kinh tế, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
B. chất lượng cuộc sống đô thị tăng, mở rộng thị trường tiêu thụ.
C. nhu cầu phát triển nền kinh tế, mức sống của người dân tăng.
D. đổi mới chính sách quản lí, tăng cường thu hút nguồn đầu tư.

Câu 73: Cho biểu đồ về cà phê và hồ tiêu của nước ta, giai đoạn 2005 - 2019:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô và cơ cấu sản lượng cà phê, hồ tiêu.
B. Sự thay đổi sản lượng cây cà phê, hồ tiêu.
C. Tốc độ tăng trưởng sản lượng cà phê, hồ tiêu.
D. Sự thay đổi cơ cấu sản lượng cà phê, hồ tiêu.

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của việc đa dạng hoá cơ cấu cây trồng ở Tây Nguyên là

- A. sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu các rủi ro.
- B. tạo nhiều nông sản, phát triển công nghiệp chế biến.
- C. quy hoạch lại vùng chuyên canh, ổn định thị trường.
- D. bảo vệ tài nguyên đất, thúc đẩy nông nghiệp hữu cơ.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc sống chung với lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. tận dụng tài nguyên, giữ nếp sống có từ lâu.
- B. thích ứng với tự nhiên, khai thác nguồn lợi.
- C. khai thác thế mạnh, hài hòa với môi trường.
- D. ứng phó với tự nhiên, sử dụng nguồn nước.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc sản xuất cây công nghiệp theo vùng chuyên canh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phân bố lại sản xuất, tạo việc làm, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.
- B. tăng nông sản, nâng cao vị thế của vùng, thay đổi cách thức sản xuất.
- C. tăng xuất khẩu, phát huy thế mạnh, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- D. gắn với công nghiệp, sử dụng tốt hơn lao động, tăng hiệu quả kinh tế.

Câu 77: Mục đích chủ yếu của việc nâng cấp các cảng biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. mở lối ra biển cho các nước, thúc đẩy giao lưu.
- B. tạo thế mở cửa cho vùng, phát triển kinh tế.
- C. gắn với khu kinh tế, cơ sở hình thành đô thị.
- D. tăng năng lực vận tải, đẩy mạnh xuất khẩu.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc thu hút đầu tư trong công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. mở rộng quy mô xí nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh về sản phẩm.
- B. khai thác có hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực sản xuất.
- C. đa dạng mặt hàng, sử dụng hợp lý nguồn lao động chất lượng cao.
- D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, tạo thêm nhiều việc làm cho lao động.

Câu 79: Khí hậu nước ta có sự phân hoá đa dạng chủ yếu do

- A. hoàn lưu khí quyển, hướng núi đa dạng, các hoạt động kinh tế.
- B. thảm thực vật không đều, địa hình cao, biến đổi khí hậu toàn cầu.
- C. vị trí giáp biển, góc nhập xạ thay đổi, ảnh hưởng của dải hội tụ.
- D. tác động của địa hình, hình dạng lãnh thổ, hoạt động của gió mùa.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ (NHÂN) CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

| Năm | 2015 | 2017 | 2019 | 2020 |
|-----------------------|--------|--------|--------|--------|
| Diện tích (nghìn ha) | 643,3 | 664,7 | 690,1 | 695,6 |
| Sản lượng (nghìn tấn) | 1453,0 | 1577,2 | 1686,8 | 1763,5 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích gieo trồng và sản lượng cà phê (nhân) của nước ta, giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Cột.
- C. Đường.
- D. Kết hợp.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

| CÂU | GIẢI | ĐÁP ÁN |
|-----|--|--------|
| 41 | - Việt Nam thấp nhất. | A |
| 42 | - Kon Tum. | D |
| 43 | - Hải Phòng. | D |
| 44 | - Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta là than đá. | A |

| | | |
|----|--|---|
| 45 | - Theo biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh giá trị nhập siêu của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2019 là Xin-ga-po thấp hơn Thái Lan. | D |
| 46 | - Hoành Sơn. | D |
| 47 | - Khánh Hòa. | A |
| 48 | - Đắk Nông. | B |
| 49 | - Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay phân hóa rõ rệt. | A |
| 50 | - Dầu khí của Đông Nam Bộ là nguyên liệu cho sản xuất đạm. | D |
| 51 | - Hà Nội. | D |
| 52 | - Thanh Hóa. | B |
| 53 | - Lai Châu. | B |
| 54 | - Quốc Lộ 14 và 20. | A |
| 55 | - Kon Tum. | D |
| 56 | - Đường 217 | D |
| 57 | - Hà Giang. | C |
| 58 | - Cát Bà. | A |
| 59 | - Tây Nam. | C |
| 60 | - Biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở nước ta hiện nay là quản lí chặt chẽ. | B |
| 61 | - Giải pháp để giảm thiệt hại do lũ quét gây ra ở nước ta là phát triển vốn rừng. | A |
| 62 | - Khánh Hòa. | D |
| 63 | - Trồng cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay chiếm chủ yếu trong cơ cấu diện tích gieo trồng cây công nghiệp. | A |
| 64 | - Biện pháp quan trọng nhất để đảm bảo khai thác lâu dài nguồn lợi hải sản ở vùng biển nước ta là cấm khai thác tận diệt nguồn lợi ven bờ. | A |
| 65 | - Cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ của nước ta hiện nay hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế. | D |
| 66 | - Nguồn lao động của nước ta hiện nay còn thiếu công nhân kĩ thuật. | A |
| 67 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc đánh bắt thủy sản xa bờ ở nước ta là khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản. | D |
| 68 | - Hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang của nước ta đã tạo điều kiện cho biển ảnh hưởng sâu vào đất liền. | B |
| 69 | - Các thành phố nước ta hiện nay có cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại. | A |
| 70 | - Ngành bưu chính nước ta hiện nay phát triển theo hướng tin học hóa. | C |
| 71 | - Giải pháp chủ yếu phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng hàng hóa ở Bắc Trung Bộ là cải tạo đồng cỏ, sử dụng các giống tốt, chế biến thức ăn thích hợp. | D |
| 72 | - Cơ cấu hàng nhập khẩu nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu là do nhu cầu phát triển nền kinh tế, mức sống của người dân tăng. | C |
| 73 | - Biểu đồ thay đổi giá trị sản lượng cà phê, hồ tiêu. | B |
| 74 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc đa dạng hoá cơ cấu cây trồng ở Tây Nguyên là sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu các rủi ro. | A |
| 75 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc sông chung với lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long là thích ứng với tự nhiên, khai thác nguồn lợi. | B |
| 76 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc sản xuất cây công nghiệp theo vùng chuyên canh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tăng xuất khẩu, phát huy thế mạnh, phát triển nông nghiệp hàng hóa. | C |
| 77 | - Mục đích chủ yếu của việc nâng cấp các cảng biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là tạo thế mở cửa cho vùng, phát triển kinh tế. | B |
| 78 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc thu hút đầu tư trong công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là khai thác có hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng | B |

| | | |
|----|---|---|
| | lực sản xuất. | |
| 79 | - Khí hậu nước ta có sự phân hoá đa dạng chủ yếu do tác động của địa hình, hình dạng lãnh thổ, hoạt động của gió mùa. | D |
| 80 | - Biểu đồ đường. | D |

ĐỀ 5**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024****Môn: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề***Câu 41:** Cho bảng số liệu:**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020***(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)*

| Quốc gia | In-đô-nê-xi-a | Ma-lai-xi-a | Phi-li-pin | Xin-ga-po |
|-------------------------|---------------|-------------|------------|-----------|
| GDP | 1058424 | 337006 | 361489 | 339998 |
| Công nghiệp và xây dựng | 405376 | 120985 | 102663 | 82960 |

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu GDP cao nhất?

- A.** Xin-ga-po. **B.** Ma-lai-xi-a. **C.** Phi-lip-pin. **D.** In-đô-nê-xi-a.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây nằm trên sông Hậu?

- A.** Sài Gòn. **B.** Cần Thơ. **C.** Mỹ Tho. **D.** Trà Vinh.

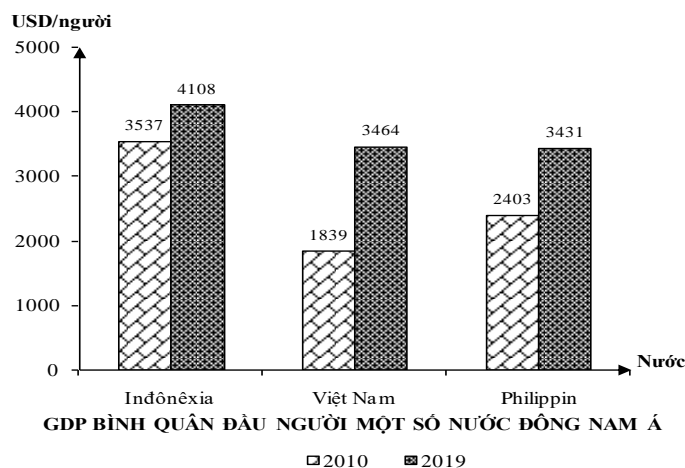
Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thực vật và Động vật, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên vịnh Thái Lan?

- A.** U Minh. **B.** Mũi Cà Mau. **C.** Phú Quốc. **D.** Côn Đảo.

Câu 44: Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về

A. nhiệt điện, điện gió. **B.** thủy điện, điện gió. **C.** nhiệt điện, thủy điện. **D.** thủy điện, điện nguyên tử.

Câu 45: Cho biểu đồ:

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)*

Căn cứ vào biểu đồ trên, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về GDP/người của một số nước Đông Nam Á?

- A.** Việt Nam tăng nhanh hơn Philipin. **B.** In-đô-nê-xi-a tăng nhiều hơn Philipin.
C. Việt Nam tăng ít hơn In-đô-nê-xi-a. **D.** Philippin tăng ít hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào trong các đô thị sau đây có phân cấp cao nhất?

- A.** Đà Nẵng. **B.** Sầm Sơn. **C.** Cẩm Phả. **D.** A Pa Chải.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nào sau đây có quy mô lớn?

- A. Cần Thơ. B. Tân An. C. TP. Hồ Chí Minh. D. Vũng Tàu.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết thành phố Biên Hòa thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Đồng Nai. B. Bình Dương. C. Long An. D. Tây Ninh.

Câu 49: Nước ta cần xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt chủ yếu nhằm

- A. khai thác lợi thế về tự nhiên. B. khai thác thế mạnh về lao động.
C. nâng cao chất lượng sản phẩm. D. thích nghi với cơ chế thị trường.

Câu 50: Việc khai thác hải sản ở Đông Nam Bộ được tiến hành tại

- A. rừng ngập mặn. B. các ngư trường. C. bãi triều rộng. D. các bãi biển.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết các trung tâm công nghiệp nào sau đây có cùng quy mô lớn nhất?

- A. Đà Nẵng. B. Sóc Trăng. C. Hưng Yên. D. Phan Thiết.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền địa lí tự nhiên, cho biết núi nào sau đây cao nhất trong các núi sau đây?

- A. Braian. B. Bi Doup. C. Lang Bian. D. Bà Rá.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

- A. Móng Cái. B. Thanh Thủy. C. Vân Đồn. D. Tây Trang.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Thái Bình. B. Khánh Hòa. C. Sóc Trăng. D. Thái Nguyên.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng Hà Nội có lượng mưa lớn nhất vào tháng nào sau đây?

- A. Tháng VIII. B. Tháng IX. C. Tháng X. D. Tháng XI.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hồ Núi Cốc thuộc hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Cả. B. Sông Mã. C. Sông Thái Bình. D. Sông Thu Bồn.

Câu 57: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết sông Tiền đổ ra biển qua cửa nào sau đây?

- A. Cửa Định An. B. Cửa Bảy Hạp. C. Cửa Cung Hầu. D. Cửa Gành Hào.

Câu 58: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế cửa khẩu Lao Bảo?

- A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C. Nghệ An. D. Hà Tĩnh.

Câu 59: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết điểm khai thác sắt Văn Bàn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Điện Biên. B. Sơn La. C. Lai Châu. D. Lào Cai.

Câu 60: Hiện tượng cát bay, cát chảy xảy ra nghiêm trọng ở khu vực nào sau đây của nước ta?

- A. Vùng ven biển Nam Bộ. B. Vùng ven biển Bắc Bộ.
C. Vùng ven biển miền Trung. D. Vùng ven biển Đông Nam Bộ.

Câu 61: Biện pháp nhằm bảo vệ và phát triển rừng sản xuất ở nước ta là

- A. áp dụng tổng thể các biện pháp nông lâm kết hợp.
B. bảo vệ rừng, trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.
C. bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học các vườn quốc gia.
D. đảm bảo duy trì, phát triển diện tích và chất lượng rừng.

Câu 62: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết vịnh nào sau đây nằm ở phía nam vịnh Cam Ranh?

- A. Vịnh Quy Nhơn. B. Vịnh Xuân Đài. C. Vịnh Phan Rí. D. Vịnh Vân Phong.

Câu 63: Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp để xuất khẩu ở nước nhằm

- A. đáp ứng nhu cầu thị trường, thu hút ngoại tệ.
B. đẩy mạnh hợp tác, nâng cao vị thế đất nước.
C. đổi mới công nghệ, giải quyết vấn đề việc làm.
D. tăng hiệu quả kinh tế, sử dụng tốt tài nguyên.

Câu 64: Các bãi triều, đầm phá, cánh rừng ngập mặn ven biển nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển

- A. trồng rừng ngập mặn và thủy sản nước ngọt. B. khai thác khoáng sản và hoạt động du lịch.
C. nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước mặn. D. khai thác khoáng sản và giao thông vận tải.

Câu 65: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần ở nước ta hiện nay

- A. tăng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. B. tăng kinh tế cá thể, giảm ngoài Nhà nước.
C. tăng kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân. D. giảm Nhà nước, tăng ngoài Nhà nước.

Câu 66: Lao động trong công nghiệp nước ta hiện nay

- A. tập trung chủ yếu ở nông thôn. B. làm nhiều nghề, số lượng nhỏ.
C. có số lượng đông, trình độ nâng cao. D. có tác phong công nghiệp rất cao.

Câu 67: Các huyện đảo của nước ta

- A. chỉ duy nhất phát triển chăn nuôi. B. có khả năng phát triển thủy sản.
C. là các trung tâm công nghiệp lớn. D. có nhiều đảo ven bờ và đông dân.

Câu 68: Vị trí địa lý của nước ta

- A. phần lớn nằm ở bán cầu Tây. B. tiếp giáp với hai đại dương lớn.
C. ở trung tâm lục địa Á – Âu. D. ở đông nam khu vực châu Á.

Câu 69: Đô thị nước ta hiện nay

- A. có cơ sở hạ tầng rất hoàn thiện. B. có tỉ lệ thiếu việc làm rất cao.
C. tập trung đa số dân cư cả nước. D. có dân số nhỏ hơn nông thôn.

Câu 70: Mạng lưới đường sắt nước ta

- A. phân bố đồng đều giữa các vùng. B. hiện nay đã đạt trình độ hiện đại.
C. đã gắn kết các vùng núi với nhau. D. chạy qua nhiều trung tâm kinh tế.

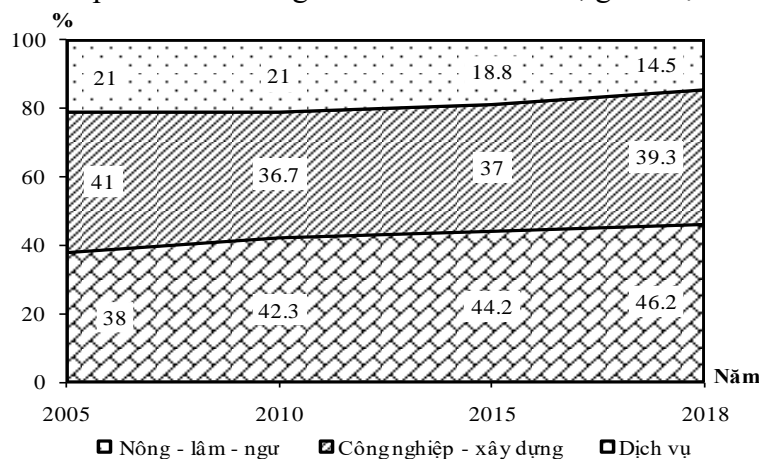
Câu 71: Giải pháp chủ yếu trong ngành trồng trọt để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. quy hoạch vùng sản xuất, xây dựng các công trình đê biển.
B. chuyển đổi cơ cấu cây trồng, bố trí mùa vụ sản xuất hợp lý.
C. cải tạo đất nhiễm phèn, mặn, phát triển kinh tế liên hoàn.
D. đẩy mạnh công tác thủy lợi, cải tạo, bảo vệ tài nguyên đất.

Câu 72: Giải pháp chủ yếu để tăng lượng khách quốc tế đến với nước ta là

- A. đầu tư hạ tầng, đào tạo lao động, quản lý chất lượng du lịch.
B. đào tạo lao động, nâng cấp cơ sở lưu trú, hội nhập toàn cầu.
C. hoàn thiện hạ tầng, tăng cường xúc tiến, đa dạng sản phẩm.
D. đa dạng thành phần kinh tế, sản phẩm du lịch, thu hút vốn.

Câu 73: Cho biểu đồ về GDP phân theo các ngành kinh tế ở nước ta, giai đoạn 2005 – 2018:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô, cơ cấu GDP phân theo các ngành kinh tế.
B. Thay đổi quy mô GDP phân theo các ngành kinh tế.
C. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo các ngành kinh tế.
D. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế.

Câu 74: Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

- A. đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, tăng vụ, hình thành vùng chuyên canh lúa.
B. tăng cường thủy lợi, bảo vệ rừng phòng hộ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng.
C. tập trung thâm canh cây công nghiệp, tăng vụ, chủ động phòng chống bão.
D. đẩy mạnh thâm canh lúa, sử dụng giống mới, chủ động phòng chống bão.

Câu 75: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tìm kiếm các mỏ mới, hạn chế xuất khẩu, bảo vệ tài nguyên.
- B. đầu tư công nghệ khai thác, nâng cao chất lượng, hạ giá thành.
- C. nâng cấp cơ sở hạ tầng, bảo vệ tài nguyên, tăng vốn đầu tư.
- D. thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ, khai thác hợp lý tài nguyên.

Câu 76: Việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên nhằm mục đích chủ yếu là

- A. nâng cao giá trị, tăng các sản phẩm hàng hóa.
- B. thay đổi cơ cấu kinh tế, thúc đẩy xuất khẩu.
- C. thúc đẩy sản xuất thâm canh, tăng nông sản.
- D. thuận lợi cho việc bảo quản vận chuyển, tiêu thụ.

Câu 77: Thuận lợi chủ yếu để phát triển đa dạng cơ cấu ngành kinh tế ở đồng bằng sông Hồng là

- A. hội nhập toàn cầu sâu, công nghiệp hóa mạnh.
- B. nhiều lao động kỹ thuật, thị trường tiêu thụ rộng.
- C. sản xuất phát triển, có các thế mạnh khác nhau.
- D. đô thị hóa mở rộng, kinh tế hàng hóa phát triển

Câu 78: Biện pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả đánh bắt thủy sản xa bờ ở duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. thăm dò, trò tìm kiếm các ngư trường mới.
- B. đầu tư tàu thuyền, phương tiện hiện đại.
- C. xây dựng cảng cá, cá mở rộng thị trường.
- D. thúc đẩy chế biến, tăng cường lao động.

Câu 79: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có biên độ nhiệt độ năm lớn chủ yếu do tác động của

- A. thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí nằm cách xa vùng xích đạo.
- B. vị trí nằm gần chí tuyến, gió mùa hạ, thời gian mặt trời lên thiên đỉnh.
- C. gió mùa Tây Nam, thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, nằm gần chí tuyến.
- D. Tín Phong bán cầu bắc, thời gian mặt trời lên thiên đỉnh, xa xích đạo.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

TỶ SỐ GIỚI TÍNH CỦA DÂN SỐ NƯỚC TA Ở MỘT SỐ TỈNH NĂM 2015 VÀ 2021

(Đơn vị: Số nam/100 nữ)

| Năm | Tiền Giang | Nghệ An | Bình Dương | Phú Thọ |
|------|------------|---------|------------|---------|
| 2015 | 96,3 | 99,2 | 97,7 | 97,9 |
| 2021 | 96,1 | 100,4 | 101,6 | 98,4 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện so sánh tỷ số giới của dân số nước ta ở một số tỉnh năm 2015 và 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Cột.
- C. Đường.
- D. Miền.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

| | | | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 41.D | 42.B | 43.C | 44.C | 45.A | 46.A | 47.C | 48.A | 49.D | 50.B |
| 51.A | 52.B | 53.C | 54.D | 55.A | 56.C | 57.C | 58.B | 59.D | 60.C |
| 61.D | 62.C | 63.A | 64.C | 65.A | 66.C | 67.B | 68.D | 69.D | 70.D |
| 71.B | 72.C | 73.C | 74.B | 75.D | 76.A | 77.C | 78.B | 79.A | 80.B |

| CÂU | GIẢI | ĐÁP ÁN |
|-----|---|--------|
| 41 | - Theo bảng số liệu, In-đô-nê-xi-a có tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu GDP cao nhất. | D |
| 42 | - Cần Thơ. | B |
| 43 | - Phú Quốc. | C |
| 44 | - Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, tỉ trọng lớn nhất thuộc về nhiệt điện, thủy điện. | C |
| 4 | - Căn cứ vào biểu đồ nhận xét nào sau đây đúng về GDP/người của một số nước Đông Nam Á là Việt Nam tăng nhanh hơn Philipin. | A |
| 46 | - Đà Nẵng. | A |
| 47 | - TP Hồ Chí Minh. | C |
| 48 | - Đồng Nai. | A |

| | | |
|----|--|---|
| 49 | - Nước ta cần xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt chủ yếu nhằm thích nghi với cơ chế thị trường. | D |
| 50 | - Việc khai thác hải sản ở Đông Nam Bộ được tiến hành tại các ngư trường. | B |
| 51 | - Đà Nẵng. | A |
| 52 | - Bi Doup. | B |
| 53 | - Vân Đồn. | C |
| 54 | - Thái Nguyên. | D |
| 55 | - Tháng VIII | A |
| 56 | - Thái Bình. | C |
| 57 | - Cửa Cung Hầu. | C |
| 58 | - Quảng Trị. | B |
| 59 | - Lào Cai. | D |
| 60 | - Hiện tượng cát bay, cát chảy xảy ra nghiêm trọng ở khu vực ven biển miền Trung. | C |
| 61 | - Biện pháp nhằm bảo vệ và phát triển rừng sản xuất ở nước ta là đảm bảo duy trì, phát triển diện tích và chất lượng rừng. | D |
| 62 | - Vịnh Phan Rí. | C |
| 63 | - Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp để xuất khẩu ở nước nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, thu hút ngoại tệ. | A |
| 64 | - Các bãi triều, đầm phá, cánh rừng ngập mặn ven biển nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước mặn. | C |
| 65 | - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần ở nước ta hiện nay tăng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. | A |
| 66 | - Lao động trong công nghiệp nước ta hiện nay có số lượng đông, trình độ nâng cao. | C |
| 67 | - Các huyện đảo của nước ta có khả năng phát triển thủy sản. | B |
| 68 | - Vị trí địa lí của nước ta ở đông nam khu vực châu Á. | D |
| 69 | - Đô thị nước ta hiện nay có dân số nhỏ hơn nông thôn. | D |
| 70 | - Mạng lưới đường sắt nước ta chạy qua nhiều trung tâm kinh tế. | D |
| 71 | - Giải pháp chủ yếu trong ngành trồng trọt để ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là chuyển đổi cơ cấu cây trồng, bố trí mùa vụ sản xuất hợp lí. | B |
| 72 | - Giải pháp chủ yếu để tăng lượng khách quốc tế đến với nước ta là hoàn thiện hạ tầng, tăng cường xúc tiến, đa dạng sản phẩm. | C |
| 73 | - Biểu đồ chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo các ngành kinh tế. | C |
| 74 | - Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là tăng cường thủy lợi, bảo vệ rừng phòng hộ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng. | B |
| 75 | - Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ, khai thác hợp lí tài nguyên. | D |
| 76 | - Việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên nhằm mục đích chủ yếu là nâng cao giá trị, tăng các sản phẩm hàng hóa. | A |
| 77 | - Thuận lợi chủ yếu để phát triển đa dạng cơ cấu ngành kinh tế ở đồng bằng sông Hồng là sản xuất phát triển, có các thế mạnh khác nhau. | C |

Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề

Trang 27

- Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 2?
A. Thái Nguyên. **B.** Thái Bình. **C.** Hải Dương. **D.** Ninh Bình.
- Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây nằm ở phía bắc cảng Cái Lân?
A. Nam Định. **B.** Cửa Ông. **C.** Hải Phòng. **D.** Sơn Tây.
- Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc trên cả trên đất liền và trên biển?
A. Quảng Ninh. **B.** Lạng Sơn. **C.** Bắc Giang. **D.** Cao Bằng.
- Câu 49:** Công nghiệp điện lực nước ta hiện nay
A. chưa xây dựng được điện gió. **B.** chủ yếu phục vụ xuất khẩu.
C. sản lượng có xu hướng giảm. **D.** được sản xuất từ nhiều nguồn.
- Câu 50:** Khai thác dầu khí và sản xuất điện, phân đạm từ khí là hướng chuyên môn hóa của vùng
A. Đông Nam Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng. **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Duyên hải miền Trung.
- Câu 51:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết kênh Vĩnh Tế nối Hà Tiên với địa điểm nào sau đây?
A. Cao Lãnh. **B.** Châu Đốc. **C.** Long Xuyên. **D.** Rạch Giá.
- Câu 52:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Lâm nghiệp và thủy sản, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh dưới 10%?
A. Bình Dương. **B.** Bình Phước. **C.** Đồng Nai. **D.** Lâm Đồng.
- Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết Đà Lạt nằm trên cao nguyên nào sau đây?
A. Mơ Nông. **B.** Lâm Viên. **C.** Di Linh. **D.** Kon Tum.
- Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia nào sau đây phân bố ở độ cao trên 500m?
A. Bù Gia Mập. **B.** Yok Đôn. **C.** Cát Tiên. **D.** Kon Ka Kinh.
- Câu 55:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông Mã đổ ra Biển Đông qua cửa nào sau đây?
A. Cửa Ba Lạt. **B.** Cửa Lạch Giang. **C.** Cửa Lạch Trào. **D.** Cửa Hội.
- Câu 56:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?
A. Sông Gâm. **B.** Con Voi. **C.** Ngân Sơn. **D.** Phú Lương.
- Câu 57:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây nằm ở phía bắc Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo?
A. Nậm Cắn. **B.** Cha Lo. **C.** A Đớt. **D.** Lao Bảo.
- Câu 58:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp Cà Mau có ngành công nghiệp nào sau đây?
A. Điện tử. **B.** Luyện kim. **C.** Đóng tàu. **D.** Hóa chất.
- Câu 59:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây nằm ở phía Nam nước ta?
A. Na Dương. **B.** Trà Nóc. **C.** Ninh Bình. **D.** Uông Bí.
- Câu 60:** Biện pháp để mở rộng diện tích rừng ở nước ta là
A. làm ruộng bậc thang. **B.** trồng cây theo băng. **C.** tích cực trồng mới. **D.** cải tạo đất hoang.
- Câu 61:** Hiện tượng cát bay, cát chảy xảy ra nghiêm trọng ở khu vực nào sau đây của nước ta?
A. Vùng ven biển Nam Bộ. **B.** Vùng ven biển Bắc Bộ.
C. Vùng ven biển miền Trung. **D.** Vùng ven biển Đông Nam Bộ.
- Câu 62:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây có GDP bình quân đầu người cao nhất, năm 2007?

- A. Quảng Nam. B. Khánh Hòa. C. Bình Thuận. D. Bình Định.

Câu 63: Cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay

- A. phân bố tập trung ở đồng bằng. B. diện tích có xu hướng giảm nhanh.
C. chủ yếu có nguồn gốc nhiệt đới. D. có cơ cấu cây trồng chưa đa dạng.

Câu 64: Khai thác thủy sản của nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung đánh bắt ven bờ. B. tăng nhanh hơn nuôi trồng.
C. có sản lượng ngày càng tăng. D. phát triển ở tất cả các tỉnh.

Câu 65: Cơ cấu ngành của công nghiệp nước ta có sự chuyển dịch rõ rệt chủ yếu nhằm

- A. tạo điều kiện để hội nhập vào thị trường thế giới.
B. tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
C. khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
D. tạo thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ cấu lao động.

Câu 66: Phân bố dân cư nước ta hiện nay

- A. phân bố rất thưa ở khu vực thành thị. B. tập trung nhiều ở trung du miền núi.
C. phân bố khá đồng đều giữa các vùng. D. tập trung nhiều ở khu vực nông thôn.

Câu 67: Biện pháp quan trọng để vừa tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản là

- A. đẩy mạnh và phát triển nhiều cơ sở công nghiệp chế biến.
B. mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.
C. hiện đại hoá các phương tiện, tăng cường đánh bắt xa bờ.
D. tăng cường việc đánh bắt, phát triển nuôi trồng, chế biến.

Câu 68: Phần đất liền của nước ta

- A. trải dài theo chiều đông-tây. B. rộng gấp nhiều lần vùng biển.
C. mở rộng đến hết vùng lãnh hải. D. giáp với các nước xung quanh.

Câu 69: Các đô thị nước ta hiện nay

- A. hầu hết đều phân bố dọc ven biển. B. chỉ quan tâm đến hoạt động du lịch.
C. có sức hút lớn với các nhà đầu tư. D. đóng góp rất nhỏ vào cơ cấu GDP.

Câu 70: Giao thông vận tải nước ta hiện nay

- A. chỉ có các tuyến đường biển nội địa. B. phát triển mạnh nhất là đường biển.
C. chỉ tập trung phát triển hàng không. D. có mạng lưới đường ô tô mở rộng.

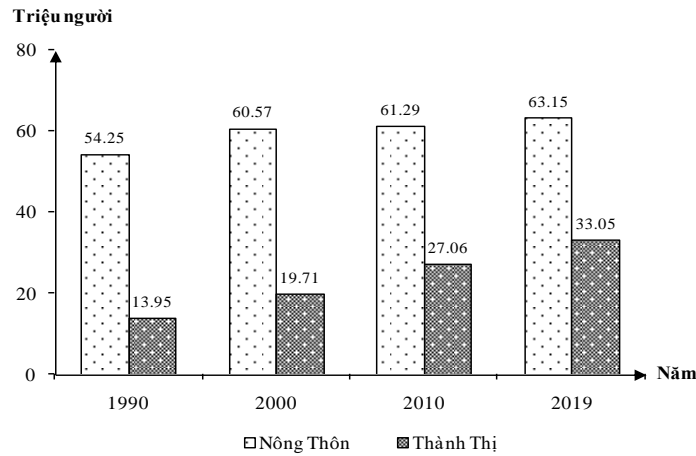
Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển chăn nuôi ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thu hút các nguồn đầu tư, đa dạng sản xuất, nâng cao vị thế của vùng.
B. hạn chế du canh du cư, giải quyết việc làm, tạo nhiều loại sản phẩm.
C. phát huy thế mạnh, nâng cao mức sống, phát triển sản xuất hàng hóa.
D. sử dụng hợp lý tài nguyên, mở rộng sản xuất, thay đổi cơ cấu kinh tế.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của ngành nội thương ở nước ta là

- A. đáp ứng nhu cầu người dân, tạo tập quán tiêu dùng mới.
B. nâng cao đời sống người dân, tăng tiêu dùng trong nước.
C. thúc đẩy sản xuất hàng hóa, phân công lao động lãnh thổ.
D. tăng lưu thông hàng hóa, thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa.

Câu 73: Cho biểu đồ về dân số thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2005 – 2019:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô, cơ cấu dân số thành thị và nông thôn.
- B. Thay đổi quy mô dân số thành thị và nông thôn.
- C. Chuyển dịch cơ cấu dân số thành thị và nông thôn.
- D. Tốc độ tăng trưởng dân số thành thị và nông thôn.

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của tài nguyên rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. cơ sở để thúc đẩy du lịch, nuôi trồng thủy sản.
- B. giữ đa dạng sinh học, hạn chế sạt lở ở bờ biển.
- C. cung cấp lâm sản, nguồn dự trữ đất trồng trọt.
- D. bảo đảm cân bằng sinh thái, phục vụ sản xuất.

Câu 75: Biện pháp chủ yếu phát triển chăn nuôi ở Đồng bằng Sông Hồng là

- A. bảo đảm nguồn thức ăn, phòng chống dịch bệnh.
- B. sử dụng tiến bộ kỹ thuật, dùng nhiều giống mới.
- C. phát triển trồng trọt, gắn với chế biến và dịch vụ.
- D. hiện đại hóa chuồng trại, tăng vật nuôi lấy trứng.

Câu 76: Giải pháp chủ yếu phát triển cây công nghiệp lâu năm theo hướng hàng hóa ở Bắc Trung Bộ là

- A. tăng sản lượng, đẩy mạnh hợp tác hóa, sử dụng nhiều công nghệ mới.
- B. tăng năng suất, hình thành các vùng chuyên canh, mở rộng diện tích.
- C. đẩy mạnh sản xuất thâm canh, tăng nguồn đầu tư, đa dạng sản phẩm.
- D. sử dụng tiến bộ kỹ thuật, tăng trồng trọt, gắn với chế biến và dịch vụ.

Câu 77: Mục đích chủ yếu của việc phát triển các sân bay ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tăng năng lực giao thông, thúc đẩy hiện đại hóa.
- B. thúc đẩy hoạt động giao lưu, phát triển kinh tế.
- C. đẩy mạnh hoạt động du lịch, nâng vị thế vùng.
- D. đáp ứng nhu cầu dân cư, tăng hội nhập quốc tế.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở năng lượng của Tây Nguyên dựa trên nguồn thủy năng dồi dào là

- A. phát triển hàng hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.
- B. khai thác lợi thế về thủy năng, tạo điều kiện khai thác khoáng sản.
- C. mở rộng công nghiệp chế biến, đẩy mạnh các hoạt động xuất khẩu.
- D. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, nâng cao vị thế kinh tế vùng.

Câu 79: Địa hình ven biển nước ta đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. thủy triều, độ mặn nước biển và các dãy núi ra sát biển.
- B. sóng biển, thủy triều, độ mặn của biển và thềm lục địa.
- C. các vùng núi giáp biển và vận động nâng lên, hạ xuống.
- D. sóng biển, thủy triều, sông ngòi và hoạt động kiến tạo.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

(Đơn vị: nghìn tấn)

| Năm | Khai thác | Nuôi trồng |
|------|-----------|------------|
| 2010 | 2414,4 | 2728,3 |

| | | |
|------|--------|--------|
| 2015 | 3049,9 | 3532,2 |
| 2018 | 3606,3 | 4162,8 |
| 2020 | 3863,7 | 4633,5 |

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Cột. C. Tròn. D. Miền.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

| CÂU | GIẢI | ĐÁP ÁN |
|-----|---|--------|
| 41 | - Theo bảng số liệu, nhận xét đúng khi so sánh tỉ lệ dân nông thôn của một số quốc gia năm 2019 là Phi-lip-pin lớn hơn In-đô-nê-xi-a. | D |
| 42 | - Đrây Hling. | C |
| 43 | - Nhật Bản. | B |
| 44 | - Nước mắm thuộc ngành chế biến thủy, hải sản. | D |
| 45 | - Theo biểu đồ, nhận xét đúng về sự số khách du lịch năm 2019 so với năm 2010 của Malaixia và Singapo là Singapo tăng nhanh hơn Malaixia. | D |
| 46 | - Thái Nguyên. | A |
| 47 | - Cảng Cửa Ông. | B |
| 48 | - Quảng Ninh. | A |
| 49 | - Công nghiệp điện lực nước ta hiện nay được sản xuất từ nhiều nguồn. | D |
| 50 | - Khai thác dầu khí và sản xuất điện, phân đạm từ khí là hướng chuyên môn hóa của vùng Đông Nam Bộ. | A |
| 51 | - Châu Đốc. | B |
| 52 | - Bình Dương. | A |
| 53 | - Lâm Viên. | B |
| 54 | - Kon Ka Kinh. | D |
| 55 | - Cửa Lạch Trào. | C |
| 56 | - Phú Lương. | D |
| 57 | - Nậm Cắn. | A |
| 58 | - Hóa chất. | D |
| 59 | - Trà Nóc. | B |
| 60 | - Biện pháp để mở rộng diện tích rừng ở nước ta là tích cực trồng mới. | C |
| 61 | - Hiện tượng cát bay, cát chảy xảy ra nghiêm trọng ở khu vực ven biển Miền Trung. | C |
| 62 | - Khánh Hòa. | B |
| 63 | - Cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay chủ yếu có nguồn gốc nhiệt đới. | C |
| 64 | - Khai thác thủy sản của nước ta hiện nay có sản lượng ngày càng tăng. | C |
| 65 | - Cơ cấu ngành của công nghiệp nước ta có sự chuyển dịch rõ rệt chủ yếu nhằm tạo điều kiện để hội nhập vào thị trường thế giới. | A |
| 66 | - Phân bố dân cư nước ta hiện nay tập trung nhiều ở khu vực nông thôn. | D |

| | | |
|----|---|---|
| 67 | - Biện pháp quan trọng để vừa tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản là hiện đại hoá các phương tiện, tăng cường đánh bắt xa bờ. | C |
| 68 | - Phần đất liền của nước ta giáp với các nước xung quanh. | D |
| 69 | - Các đô thị nước ta hiện nay có sức hút lớn với các nhà đầu tư. | C |
| 70 | - Giao thông vận tải nước ta hiện nay có mạng lưới đường ô tô mở rộng. | D |
| 71 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển chăn nuôi ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là phát huy thế mạnh, nâng cao mức sống, phát triển sản xuất hàng hóa. | C |
| 72 | - Ý nghĩa chủ yếu của ngành nội thương ở nước ta là thúc đẩy sản xuất hàng hóa, phân công lao động lãnh thổ. | C |
| 73 | - Biểu đồ thay đổi quy mô dân số thành thị và nông thôn. | B |
| 74 | - Ý nghĩa chủ yếu của tài nguyên rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long là bảo đảm cân bằng sinh thái, phục vụ sản xuất. | D |
| 75 | - Biện pháp chủ yếu phát triển chăn nuôi ở Đồng bằng Sông Hồng là phát triển trồng trọt, gắn với chế biến và dịch vụ. | C |
| 76 | - Giải pháp chủ yếu phát triển cây công nghiệp lâu năm theo hướng hàng hóa ở Bắc Trung Bộ là sử dụng tiến bộ kỹ thuật, tăng trồng trọt, gắn với chế biến và dịch vụ. | D |
| 77 | - Mục đích chủ yếu của việc phát triển các sân bay ở Duyên hải Nam Trung Bộ là thúc đẩy hoạt động giao lưu, phát triển kinh tế. | B |
| 78 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở năng lượng của Tây Nguyên dựa trên nguồn thủy năng dồi dào là khai thác lợi thế về thủy năng, tạo điều kiện khai thác khoáng sản. | B |
| 79 | - Địa hình ven biển nước ta đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của sóng biển, thủy triều, sông ngòi và hoạt động kiến tạo. | D |
| 80 | - Biểu đồ cột. | B |

ĐỀ 7

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

Môn: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề

Câu 41: Cho bảng số liệu:

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA MI-AN-MA VÀ THÁI LAN NĂM 2010 VÀ NĂM 2020

(Đơn vị: Đô la Mỹ)

| Năm | Mi-an-ma | Thái Lan |
|------|----------|----------|
| 2010 | 979 | 5076 |
| 2020 | 1 477 | 6990 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi GDP bình quân đầu người năm 2020 so với năm 2010 của Mi-an-ma và Thái Lan?

- A.** Thái Lan tăng gấp hai lần Mi-an-ma. **B.** Thái Lan tăng nhiều hơn Mi-an-ma.
C. Mi-an-ma tăng nhiều hơn Thái Lan. **D.** Mi-an-ma tăng chậm hơn Thái Lan.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Bắc Trung Bộ?

- A.** Nha Trang. **B.** Sa Pa. **C.** Đồng Hới. **D.** Đà Lạt.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết ngành công nghiệp nào sau đây có ở trung tâm Bim Sơn?

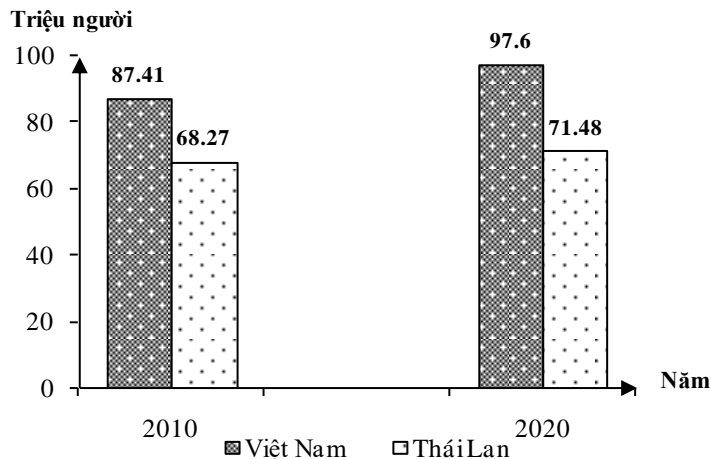
- A.** Luyện kim đen. **B.** Đóng tàu. **C.** Chế biến nông sản. **D.** Cơ khí.

Câu 44: Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở nước ta chủ yếu dựa vào

- A. than đá, than bùn, than nâu.
C. than đá, dầu, khí tự nhiên.

- B. năng lượng mặt trời, than đá.
D. khí tự nhiên, năng lượng tái tạo.

Câu 45: Cho biểu đồ:



DÂN SỐ CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM NĂM 2010 VÀ 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi số dân năm 2020 so với năm 2010 của Thái Lan và Việt Nam?

- A. Thái Lan tăng gấp hai lần Việt Nam.
C. Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.
B. Việt Nam tăng nhiều hơn Thái Lan.
D. Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Kon Tum.
B. Phú Yên.
C. Gia Lai.
D. Quảng Ngãi.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Đông Tác thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Nam.
B. Khánh Hoà.
C. Bình Định.
D. Phú Yên.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết thị xã Đồng Xoài thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Dương.
B. Bình Phước.
C. Đồng Nai.
D. Tây Ninh.

Câu 49: Hoạt động công nghiệp của nước ta hiện nay

- A. chỉ có ở ven biển.
B. tập trung ở đồng bằng.
C. phân bố đồng đều.
D. chỉ có ở hải đảo.

Câu 50: Hoạt động khai thác dầu khí ở Đông Nam Bộ tiến hành ở

- A. các hải đảo.
B. vùng đồng bằng.
C. thềm lục địa.
D. vùng ven biển.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết cửa Tư Hiền nằm ở phía nam cửa sông nào sau đây?

- A. Cửa Đại.
B. Cửa Diệt.
C. Cửa Thuận An.
D. Cửa Soi Rạp.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm xa biển nhất?

- A. Bến Ninh Kiều.
B. Tràm Chim.
C. U Minh Hạ.
D. Cần Giờ.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết đèo Hải Vân nằm ở núi nào sau đây?

- A. Hoành Sơn.
B. Núi Nưa.
C. Bạch Mã.
D. Động Ngai.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào nuôi nhiều trâu trong các tỉnh sau đây?

- A. Thái Bình.
B. Nam Định.
C. Ninh Bình.
D. Hà Giang.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây là cảng biển?

- A. Cảng Kiên Lương.
B. Cảng Mỹ Tho.
C. Cảng Trà Vinh.
D. Cảng Cần Thơ.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây giáp Lào?

- A. Đắk Nông. B. Điện Biên. C. Lai Châu. D. Bình Phước.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết thành phố Vinh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Quảng Bình.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết ngành chế biến lương thực có ở trung tâm công nghiệp nào sau đây?

- A. Vũng Tàu. B. Biên Hoà. C. Sóc Trăng. D. Bến Tre.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có trung tâm kinh tế nào sau đây?

- A. Phúc Yên. B. Việt Trì. C. Bắc Ninh. D. Hải Dương.

Câu 60: Hiện nay, rừng ngập mặn ở nước ta bị thu hẹp chủ yếu do

- A. mực nước biển dâng rất cao. B. chuyển thành vùng nuôi tôm.
C. quá trình xâm nhập mặn tăng. D. cải tạo để làm đất trồng lúa.

Câu 61: Tình trạng sạt lở bờ biển diễn ra nghiêm trọng nhất ở khu vực nào sau đây của nước ta?

- A. Vùng ven biển Nam Bộ. B. Dải bờ biển miền Trung.
C. Ven biển Đông Nam Bộ. D. Vùng ven biển Bắc Bộ.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết tỉnh Quảng Bình có cảng biển nào sau đây?

- A. Cảng Cửa Gianh. B. Cảng Cửa Lò. C. Cảng Vũng Áng. D. Cảng Chân Mây.

Câu 63: Cây công nghiệp ở nước ta hiện nay

- A. chủ yếu là có nguồn gốc cận nhiệt. B. được trồng theo hướng tập trung.
C. có cơ cấu cây trồng chưa đa dạng. D. chỉ phân bố tập trung ở vùng núi.

Câu 64: Khai thác hải sản ở nước ta hiện nay

- A. có năng suất lao động đánh bắt rất cao. B. khuyến khích đánh bắt ở vùng ven bờ.
C. có các cảng cá hiện đại và hoàn thiện. D. gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Câu 65: Ngành công nghiệp nước ta tiếp tục được đầu tư đổi mới trang thiết bị và công nghệ chủ yếu nhằm

- A. đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. B. nâng cao về chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.
C. phù hợp tình hình phát triển thực tế của đất nước. D. đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

Câu 66: Dân số nước ta hiện nay

- A. phân bố đồng đều khắp cả nước. B. gia tăng rất chậm, cơ cấu rất trẻ.
C. đông, nhiều thành phần dân tộc. D. sống tập trung chủ yếu ở đô thị.

Câu 67: Lãnh hải của nước ta là vùng biển

- A. ở ngoài biên giới quốc gia trên biển. B. được xem như lãnh thổ trên đất liền.
C. mở rộng đến bờ ngoài của rìa lục địa. D. thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.

Câu 68: Các huyện đảo của nước ta

- A. chủ yếu nằm xa bờ, diện tích lớn. B. chỉ phát triển khai thác khoáng sản.
C. nhiều huyện phát triển nghề cá. D. phát triển mạnh khai thác dầu khí.

Câu 69: Lao động nước ta hiện nay

- A. nguồn lao động dồi dào và ổn định. B. lao động trình độ cao chiếm đông đảo.
C. chủ yếu lao động có chất lượng cao. D. công nhân kĩ thuật lành nghề còn thiếu.

Câu 70: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

- A. hoàn toàn tập trung cho kinh doanh. B. sử dụng rất nhiều lao động thủ công.
C. có mạng lưới chỉ tập trung ở đô thị. D. có tốc độ phát triển nhanh vượt bậc.

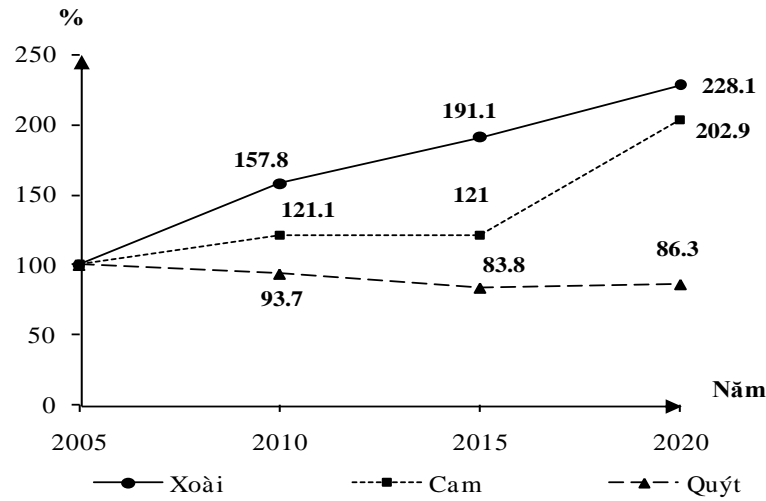
Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của việc tăng cường cơ sở hạ tầng ở Bắc Trung Bộ là

- A. thu hút đầu tư, mở rộng giao lưu kinh tế, thúc đẩy hoạt động du lịch.
B. đẩy nhanh đô thị hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế, mở rộng giao lưu.
C. thúc đẩy công nghiệp hóa, mở rộng các liên kết, phân bố lại dân cư.
D. đẩy mạnh giao thương, liên kết các bộ phận lãnh thổ, tạo đô thị mới

Câu 72: Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
- B. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lý của Nhà nước.
- C. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.
- D. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.

Câu 73: Cho biểu đồ về sản lượng một số cây ăn quả của nước ta giai đoạn 2005 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng một số cây ăn quả.
- B. Quy mô và tốc độ tăng sản lượng một số cây ăn quả.
- C. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng một số cây ăn quả.
- D. Quy mô và cơ cấu sản lượng một số cây ăn quả.

Câu 74: Biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong phát triển lâm nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. khai thác hợp lý đi đôi với khoanh nuôi, trồng rừng.
- B. bảo vệ các vườn quốc gia, ngăn chặn nạn phá rừng.
- C. đẩy mạnh chế biến gỗ, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.
- D. chú trọng đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng.

Câu 75: Hiệu quả kinh tế chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng lên chủ yếu do

- A. áp dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển trang trại, chăn nuôi hàng hoá.
- B. chế biến thức ăn phù hợp, cải tạo đồng cỏ, sử dụng các giống tốt.
- C. chăn nuôi theo hướng tập trung, đảm bảo tốt chuồng trại, thức ăn.
- D. đẩy mạnh lai tạo giống, đảm bảo nguồn thức ăn, phòng dịch bệnh.

Câu 76: Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay cần chuyển dịch cơ cấu cây trồng chủ yếu do

- A. xâm nhập mặn rộng, hạn hán, thiếu nước ngọt, mùa khô kéo dài.
- B. bề mặt sụt lún, nhiều vùng bị phèn và mặn hóa, mùa khô sâu sắc.
- C. sạt lở bờ biển, nước biển dâng, xâm nhập mặn, biến đổi khí hậu.
- D. khô hạn kéo dài, vùng rừng ngập mặn thu hẹp, nước ngầm hạ thấp.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. khai thác tốt thế mạnh, đa dạng hóa hoạt động sản xuất.
- B. nâng cao hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm tại chỗ.
- C. thu hút đầu tư, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D. thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lý tự nhiên.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác hợp lý và bảo vệ tài nguyên.
- B. khai thác tiềm năng, hạn chế thiên tai và hiện đại hóa sản xuất.
- C. thu hút đầu tư nước ngoài, hiện đại hóa sản xuất và cơ sở hạ tầng.
- D. bảo vệ chủ quyền biển đảo, tạo việc làm và tăng thêm thu nhập.

Câu 79: Nhiệt độ nước ta có sự phân hoá theo hướng bắc - nam chủ yếu do tác động của

- A. biển Đông, gió phơn Tây Nam và gió mùa Tây Nam, địa hình.
 B. dải hội tụ, Tín phong bán cầu Bắc, bão và gió mùa Đông Bắc.
 C. hướng dãy núi, địa hình, vị trí địa lí, bão, Tín phong bán cầu Bắc.
 D. vĩ độ địa lí, gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc, hướng địa hình.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

| Năm | 2010 | 2014 | 2015 | 2020 |
|-----------------------|-------|-------|--------|--------|
| Diện tích (nghìn ha) | 129,9 | 132,6 | 133,6 | 121,3 |
| Sản lượng (nghìn tấn) | 834,6 | 981,9 | 1012,9 | 1045,6 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Đường. C. Kết hợp. D. Tròn.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

| CÂU | GIẢI | ĐÁP ÁN |
|-----|--|--------|
| 41 | - Thái Lan tăng nhiều hơn Mi-an-ma. | B |
| 42 | - Đồng Hới. | C |
| 43 | - Cơ khí. | D |
| 44 | - Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở nước ta chủ yếu dựa vào than đá, dầu, khí tự nhiên. | C |
| 45 | - Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi số dân năm 2020 so với năm 2010 của Thái Lan và Việt Nam là Việt Nam tăng nhanh hơn. | B |
| 46 | - Gia Lai. | C |
| 47 | - Phú Yên. | D |
| 48 | - Bình Phước. | B |
| 49 | - Hoạt động công nghiệp của nước ta hiện nay tập trung ở đồng bằng. | B |
| 50 | - Hoạt động khai thác dầu khí ở Đông Nam Bộ tiến hành ở thềm lục địa. | C |
| 51 | - Cửa Thuận An. | C |
| 52 | - Tràm Chim. | B |
| 53 | - Bạch Mã. | C |
| 54 | - Hà Giang. | D |
| 55 | - Cảng Kiên Lương. | A |
| 56 | - Điện Biên. | B |
| 57 | - Nghệ An. | B |
| 58 | - Biên Hòa. | B |
| 59 | - Việt Trì. | B |
| 60 | - Hiện nay, rừng ngập mặn ở nước ta bị thu hẹp chủ yếu do chuyển thành vùng nuôi tôm. | B |
| 61 | - Tình trạng sạt lở bờ biển diễn ra nghiêm trọng nhất ở khu vực ven biển miền Trung. | B |
| 62 | - Cảng Cửa Gianh. | A |
| 63 | - Cây công nghiệp ở nước ta hiện nay được trồng theo hướng tập trung. | B |
| 64 | - Khai thác hải sản ở nước ta hiện nay gắn với giữ vững chủ quyền biển đảo. | D |
| 65 | - Ngành công nghiệp nước ta tiếp tục được đầu tư đổi mới trang thiết bị và công nghệ chủ yếu nhằm nâng cao về chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. | B |
| 66 | - Dân số nước ta hiện nay đông, nhiều thành phần dân tộc. | C |
| 67 | - Lãnh hải của nước ta là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển. | D |
| 68 | - Các huyện đảo của nước ta nhiều huyện phát triển nghề cá. | C |
| 69 | - Lao động nước ta hiện nay công nhân kĩ thuật lành nghề còn thiếu. | D |

| | | |
|----|---|---|
| 70 | - Ngành viễn thông nước ta hiện nay có tốc độ phát triển nhanh vượt bậc. | D |
| 71 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc tăng cường cơ sở hạ tầng ở Bắc Trung Bộ là đẩy nhanh đô thị hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế, mở rộng giao lưu. | B |
| 72 | - Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế. | D |
| 73 | - Biểu đồ tốc độ tăng trưởng sản lượng một số cây ăn quả. | A |
| 74 | - Biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong phát triển lâm nghiệp ở Tây Nguyên là đẩy mạnh chế biến gỗ, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn. | C |
| 75 | - Hiệu quả kinh tế chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng lên chủ yếu do áp dụng tiến bộ kĩ thuật, phát triển trang trại, chăn nuôi hàng hoá. | A |
| 76 | - Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay cần chuyển dịch cơ cấu cây trồng chủ yếu do xâm nhập mặn rộng, hạn hán, thiếu nước ngọt, mùa khô kéo dài. | A |
| 77 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là khai thác tốt thế mạnh, đa dạng hóa hoạt động sản xuất. | A |
| 78 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác hợp lí và bảo vệ tài nguyên. | A |
| 79 | - Nhiệt độ nước ta có sự phân hoá theo hướng bắc - nam chủ yếu do tác động của vĩ độ địa lí, gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc, hướng địa hình. | D |
| 80 | - Kết hợp. | C |

ĐỀ 8

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

Môn: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề

Câu 41: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SẢN LƯỢNG LÚA GẠO CỦA MA-LAI-XI-A GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

| Năm | 2015 | 2017 | 2018 | 2020 |
|-------------------------------|------|------|------|------|
| Số dân (triệu người) | 31,2 | 32,0 | 32,4 | 32,6 |
| Sản lượng lúa gạo (nghìn tấn) | 2741 | 2571 | 2639 | 2912 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, cho biết Ma-lai-xi-a có bình quân sản lượng lúa gạo theo đầu người thấp nhất vào năm nào sau đây?

- A.** Năm 2015. **B.** Năm 2017. **C.** Năm 2018. **D.** Năm 2020.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

- A.** Chu Lai. **B.** Vũng Áng. **C.** Vân Đồn. **D.** Nhơn Hội.

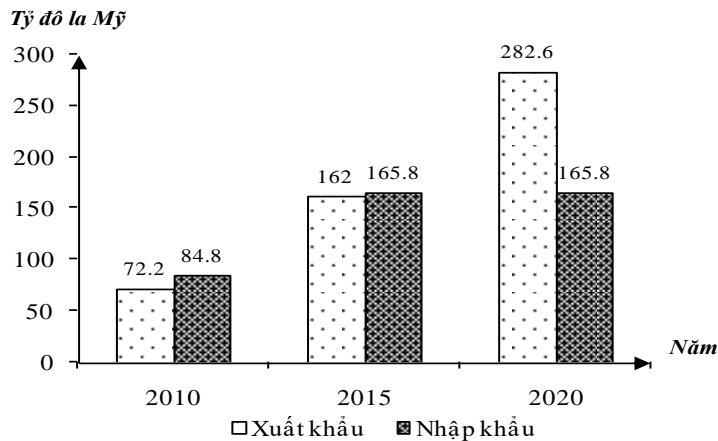
Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy thủy điện nào có công suất lớn nhất trong các nhà máy sau đây?

- A.** Thác Bà. **B.** Hòa Bình. **C.** Nậm Mu. **D.** Tuyên Quang.

Câu 44: Sản phẩm nào sau đây thuộc ngành công nghiệp năng lượng?

- A.** Nước ngọt. **B.** Sữa bột. **C.** Đường kính. **D.** Dầu thô.

Câu 45: Cho biểu đồ:



GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM NĂM 2010 ĐẾN 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi giá trị xuất, nhập khẩu năm 2020 so với năm 2010 của Việt Nam?

- A. Nhập khẩu tăng và xuất khẩu giảm. B. Nhập khẩu tăng ít hơn xuất khẩu.
C. Xuất khẩu tăng gấp hai lần nhập khẩu. D. Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 28 đi qua địa điểm nào sau đây?

- A. Di Linh. B. Đồng Xoài. C. Đà Lạt. D. Nha Trang.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với tỉnh Phú Thọ?

- A. Thanh Hóa. B. Yên Bái. C. Bắc Kạn. D. Hà Giang.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết hồ nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Hồ Yaly. B. Hồ Lắk. C. Biển Hồ. D. Biển Lạc.

Câu 49: Đông Nam Bộ đứng đầu cả nước về

- A. trồng cây lương thực. B. khai thác dầu khí. C. nuôi trồng thủy sản. D. trồng cây dược liệu.

Câu 50: Sản xuất công nghiệp của nước ta hiện nay

- A. chủ yếu ở trung du. B. phát triển rất mạnh. C. chỉ Nhà nước quản lí. D. tạo ra nhiều sản phẩm.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có nhiều ngành nhất?

- A. Quy Nhơn. B. Huế. C. Đà Nẵng. D. Quảng Ngãi.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây đổ ra Biển Đông qua cửa Hội?

- A. Sông Gianh. B. Sông Cả. C. Sông Mã. D. Sông Ba.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trong các trạm khí tượng sau đây, trạm nào có lượng mưa lớn nhất vào tháng XI?

- A. Trường Sa. B. Thanh Hóa. C. Hoàng Sa. D. Cần Thơ.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết địa điểm nào sau đây có quặng sắt?

- A. Sơn Động. B. Trại Cau. C. Na Dương. D. Sơn Dương.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây có đỉnh cao nhất?

- A. Ngọc Kring. B. Kon Ka Kinh. C. Ngọc Linh. D. Chư Yang Sin.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây là khu dự trữ sinh quyển thế giới?

- A. Yok Đôn. B. Núi Chúa. C. Tràm Chim. D. Cần Giờ.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc tỉnh Hà Tĩnh?

- A. Cha Lo. B. Lao Bảo. C. Cầu Treo. D. A Đốt.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có sản lượng lúa lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Hải Phòng. B. Nam Định. C. Hà Nam. D. Ninh Bình.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết tỉnh nào sau đây có than bùn?

- A. Bạc Liêu. B. Cà Mau. C. Sóc Trăng. D. Trà Vinh.

Câu 60: Những cơn bão lớn ở nước ta thường gây ra

- A. sương mù. B. gió giật mạnh. C. rét đậm. D. tuyết rơi.

Câu 61: Biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta là

- A. đẩy mạnh trồng rừng. B. nông lâm kết hợp. C. lập khu bảo tồn. D. bón phân cải tạo.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Lâm Đồng?

- A. Đồng Xoài. B. A Yun Pa. C. Gia Nghĩa. D. Bảo Lộc.

Câu 63: Cây cà phê ở nước ta hiện nay

- A. được trồng theo hướng tập trung. B. phân bố đều ở tất cả các vùng.
C. chủ yếu tạo thức ăn cho chăn nuôi. D. chỉ phục vụ nhu cầu trong nước.

Câu 64: Hoạt động chế biến gỗ của nước ta hiện nay

- A. tạo ra nhiều sản phẩm khác nhau. B. hoàn toàn do Nhà nước quản lí.
C. phân bố đều giữa các địa phương. D. sử dụng nhiều vốn của nước ngoài.

Câu 65: Cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta hiện nay

- A. tăng cường vai trò của kinh tế tư nhân. B. phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.
C. gia tăng tỉ trọng ngành công nghiệp. D. hình thành các khu công nghiệp tập trung.

Câu 66: Các dân tộc ít người của nước ta

- A. sống tập trung ở các đồng bằng. B. chủ yếu sản xuất công nghiệp.
C. có chất lượng cuộc sống rất cao. D. có phong tục tập quán đa dạng.

Câu 67: Các huyện đảo của nước ta

- A. phát triển mạnh khai thác khoáng sản. B. có các đảo lớn nằm ở vùng ven bờ.
C. hình thành các điểm du lịch nổi tiếng. D. phát triển mạnh dịch vụ hàng hải.

Câu 68: Đường bờ biển của nước ta

- A. đi qua hầu hết các tỉnh trong nước. B. tiếp giáp với vùng đặc quyền kinh tế.
C. dài gấp nhiều lần biên giới quốc gia. D. kéo dài theo chiều từ bắc xuống nam.

Câu 69: Mạng lưới đô thị của nước ta hiện nay

- A. được phân chia thành nhiều loại. B. phân bố chủ yếu ở vùng núi cao.
C. hoàn toàn trực thuộc trung ương. D. chủ yếu là thành phố quy mô lớn.

Câu 70: Mạng lưới đường bộ của nước ta

- A. có chiều dài luôn luôn cố định. B. chủ yếu vận chuyển hàng quốc tế.
C. chưa hội nhập đường bộ xuyên Á. D. đã phủ kín các vùng trong cả nước.

Câu 71: Biện pháp chủ yếu để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm cây cà phê ở Tây Nguyên là

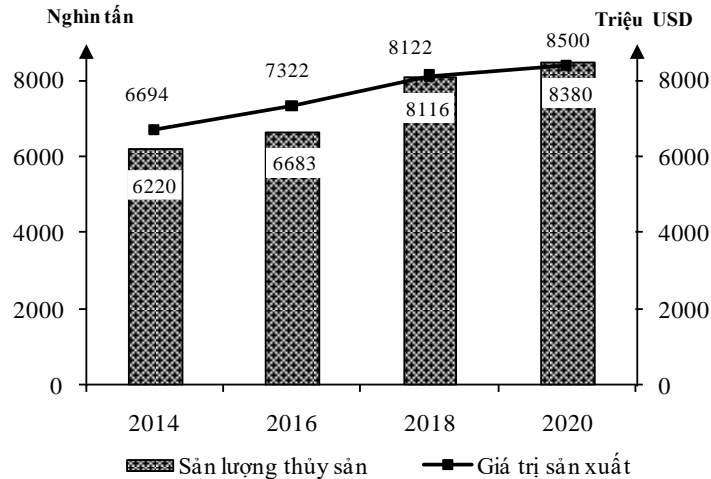
- A. đầu tư công nghệ chế biến, tăng cường hoạt động xuất khẩu.
B. phát triển các nông trường quốc doanh, sử dụng các giống tốt.
C. sản xuất theo hướng tập trung, mở rộng diện tích cho canh tác.
D. hình thành trang trại, làm chủ thị trường tiêu thụ trong nước.

Câu 72: Số lượt khách du lịch của nước ta trong thời gian gần đây tăng lên chủ yếu do

- A. tài nguyên du lịch được phân loại, các cơ sở lưu trú được đầu tư xây dựng mới.
B. nâng cao trình độ lực lượng lao động, tăng cường mạng lưới giao thông vận tải.

- C. thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài, hình thành nhiều khu nghỉ dưỡng cao cấp.
- D. chất lượng cuộc sống được nâng cao, các hoạt động quảng bá được đẩy mạnh.

Câu 73: Cho biểu đồ về thủy sản nước ta giai đoạn 2014 - 2020:



(Số liệu theo Niên giám Thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản.
- B. Quy mô sản lượng thủy sản và giá trị xuất khẩu thủy sản.
- C. Thay đổi cơ cấu sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản.
- D. Quy mô, cơ cấu sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản.

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển dịch vụ hàng hải ở Nam Trung Bộ là

- A. thay đổi phân công lao động, tăng vai trò trung chuyển.
- B. thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa, hình thành khu kinh tế.
- C. tạo nhiều việc làm và thay đổi kinh tế nông thôn ven biển.
- D. thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh giao lưu kinh tế.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. khai thác hiệu quả thế mạnh tự nhiên, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ sản xuất.
- B. thu hút nguồn lao động, tạo ra tập quán sản xuất mới cho các dân tộc ít người.
- C. tạo thêm nhiều việc làm, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn miền núi.
- D. sử dụng một cách hợp lý các loại tài nguyên, tạo nguồn sản phẩm hàng hóa lớn.

Câu 76: Ý nghĩa chủ yếu của việc trồng cây công nghiệp lâu năm theo hướng tập trung ở Bắc Trung Bộ là

- A. tạo nguồn nguyên liệu để chế biến, giải quyết vấn đề việc làm.
- B. sử dụng hợp lý tự nhiên, giảm tác hại của các cơn lũ đột ngột.
- C. thu hút nguồn vốn đầu tư, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế.
- D. đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, khai thác tốt hơn các thế mạnh.

Câu 77: Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp chế biến ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. có nguyên liệu tại chỗ phong phú, lực lượng lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng.
- B. nằm trong vùng kinh tế trọng điểm, mạng lưới giao thông vận tải đồng bộ, lao động trẻ.
- C. vị trí tiếp giáp biển Đông, nguồn năng lượng dồi dào, tài nguyên khoáng sản đa dạng.
- D. gần nguồn nhiên liệu, cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại, nhiều khu công nghiệp tập trung.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long là

- A. chung sống với lũ, khai hoang mở rộng diện tích.
- B. thu hút vốn đầu tư, phát triển cây công nghiệp giá trị.
- C. cải tạo đất, bảo vệ rừng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
- D. phát triển thủy lợi, thu hút vốn, phân bố lại dân cư.

Câu 79: Đồng bằng ven biển miền Trung mưa nhiều vào thu đông chủ yếu do tác động của

- A. gió theo hướng đông bắc và tây nam, dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới.
- B. dải hội tụ nhiệt đới, frông lạnh, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương thổi đến.

C. địa hình dãy núi Trường Sơn, gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc.

D. vị trí giáp biển, việc hình thành các áp thấp nhiệt đới, gió Tây chiếm ưu thế.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY CỦA NƯỚC TA

GIAI ĐOẠN 2010 – 2020(Đơn vị: Nghìn ha)

| Năm | 2010 | 2015 | 2017 | 2020 |
|--------------|---------|---------|---------|---------|
| Cây hàng năm | 11214,3 | 11700,0 | 11498,1 | 10871,1 |
| Cây lâu năm | 2846,8 | 3245,3 | 3403,9 | 3616,3 |
| Tổng số | 14061,1 | 14945,3 | 14902,0 | 14487,4 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu diện tích các loại cây trồng phân theo nhóm cây của nước ta giai đoạn 2010 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Miền.

B. Tròn.

C. Cột.

D. Đường.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

| CÂU | GIẢI | ĐÁP ÁN |
|-----|--|--------|
| 41 | - Theo bảng số liệu, Ma-lai-xi-a có bình quân sản lượng lúa gạo theo đầu người thấp nhất vào năm 2017. | B |
| 42 | - Vũng Áng. | B |
| 43 | - Hòa Bình. | B |
| 44 | - Dầu thô. | D |
| 45 | - Theo biểu đồ, nhận xét đúng về sự thay đổi giá trị xuất, nhập khẩu năm 2020 so với năm 2010 của Việt Nam là Nhập khẩu tăng ít hơn xuất khẩu. | B |
| 46 | - Di Linh. | A |
| 47 | - Yên Bái. | B |
| 48 | - Biên Lạc. | D |
| 49 | - Đông Nam Bộ đứng đầu cả nước về khai thác dầu khí. | B |
| 50 | - Sản xuất công nghiệp của nước ta hiện nay tạo ra nhiều sản phẩm. | D |
| 51 | - Đà Nẵng. | C |
| 52 | - Sông Cả. | B |
| 53 | - Trường Sa. | A |
| 54 | - Trại Cau. | B |
| 55 | - Ngọc Linh. | C |
| 56 | - Cần Giờ. | D |
| 57 | - Cầu Treo. | C |
| 58 | - Nam Định. | B |
| 59 | - Cà Mau. | B |
| 60 | - Những cơn bão lớn ở nước ta thường gây ra gió giật mạnh. | B |
| 61 | - Biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta là lập khu bảo tồn. | C |
| 62 | - Bảo Lộc. | D |
| 63 | - Cây cà phê ở nước ta hiện nay được trồng theo hướng tập trung. | A |

| | | |
|----|---|---|
| 64 | - Hoạt động chế biến gỗ của nước ta hiện nay tạo ra nhiều sản phẩm khác nhau. | A |
| 65 | - Cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta hiện nay gia tăng tỉ trọng ngành công nghiệp. | C |
| 66 | - Các dân tộc ít người của nước ta có phong tục tập quán đa dạng. | D |
| 67 | - Các huyện đảo của nước ta hình thành các điểm du lịch nổi tiếng. | C |
| 68 | - Đường bờ biển của nước ta kéo dài theo chiều từ bắc xuống nam. | D |
| 69 | - Mạng lưới đô thị của nước ta hiện nay được phân chia thành nhiều loại. | A |
| 70 | - Mạng lưới đường bộ của nước ta đã phủ kín các vùng trong cả nước. | D |
| 71 | - Biện pháp chủ yếu để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm cà phê ở Tây Nguyên là đầu tư công nghệ chế biến, tăng cường hoạt động xuất khẩu. | A |
| 72 | - Số lượt khách du lịch của nước ta trong thời gian gần đây tăng lên chủ yếu do chất lượng cuộc sống được nâng cao, các hoạt động quảng bá được đẩy mạnh. | D |
| 73 | - Biểu đồ quy mô sản lượng thủy sản và giá trị xuất khẩu thủy sản. | B |
| 74 | - Ý nghĩa chủ yếu của phát triển dịch vụ hàng hải ở Nam Trung Bộ là thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa, hình thành khu kinh tế. | B |
| 75 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển vùng chuyên canh chè ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là sử dụng một cách hợp lí các loại tài nguyên, tạo nguồn sản phẩm hàng hóa lớn. | D |
| 76 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc trồng cây công nghiệp lâu năm theo hướng tập trung ở Bắc Trung Bộ là đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, khai thác tốt hơn các thế mạnh. | D |
| 77 | - Thuận lợi chủ yếu để phát triển công nghiệp chế biến ở Đồng bằng sông Hồng là có nguyên liệu tại chỗ phong phú, lực lượng lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng. | A |
| 78 | - Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lí tự nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long là cải tạo đất, bảo vệ rừng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế. | C |
| 79 | - Đồng bằng ven biển miền Trung mưa nhiều vào thu đông chủ yếu do tác động của gió theo hướng đông bắc và tây nam, dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới. | A |
| 80 | - Biểu đồ miền. | A |

ĐỀ 9

ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

Môn: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề

Câu 41: Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2015 VÀ 2021

(Đơn vị: Tỉ USD)

| Năm | In-đô-nê-xi-a | Ma-lai-xi-a | Lào | Mi-an-ma |
|------|---------------|-------------|------|----------|
| 2015 | 855,0 | 298,7 | 14,4 | 59,8 |
| 2021 | 1185,8 | 372,8 | 19,6 | 72,8 |

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, <http://www.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia năm 2021 và 2015?

- A. Mi-an-ma tăng nhanh hơn In-đô-nê-xi-a. B. Ma-lai-xi-a tăng nhanh hơn Lào.
C. In-đô-nê-xi-a tăng chậm hơn Ma-lai-xi-a. D. Mi-an-ma tăng chậm hơn Lào.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào dưới đây có quy mô dân số từ 200001 - 500000 người?

- A. Cần Thơ. B. Quy Nhơn. C. Biên Hòa. D. Hà Nội.

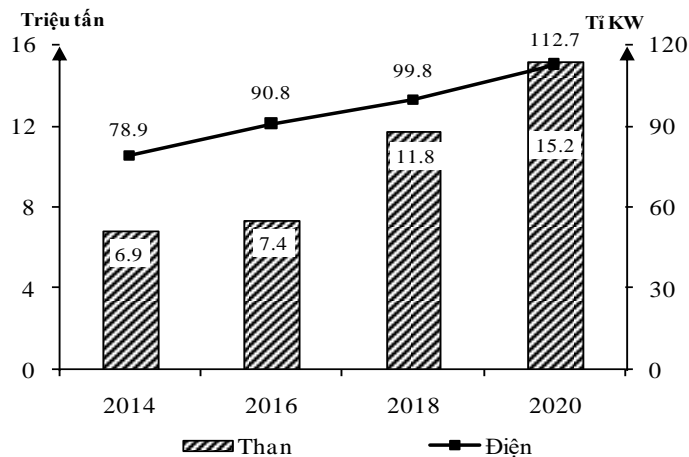
Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Tây Nguyên?

- A. Yaly. B. Vĩnh Sơn. C. A Vương. D. Sông Hình.

Câu 44: Trong cơ cấu sản lượng điện phân theo nguồn của nước ta chiếm ưu thế là

- A. điện gió. B. thủy điện. C. điện mặt trời. D. nhiệt điện.

Câu 45: Cho biểu đồ:



SẢN LƯỢNG THAN VÀ ĐIỆN CỦA PHI-LIP-PIN GIAI ĐOẠN 2014 - 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than và điện năm 2020 so với năm 2014 của Phi-lip-pin?

- A. Sản lượng than tăng gấp ba lần. B. Sản lượng điện tăng nhanh hơn than.
C. Sản lượng than tăng nhanh hơn điện. D. Sản lượng than và điện tăng bằng nhau.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ số 8 đi qua cửa khẩu nào sau đây?

- A. Tây Trang. B. Nậm Cắn. C. Cha Lo. D. Cầu Treo.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết lưu lượng nước trung bình sông Hồng cao nhất vào tháng nào?

- A. Tháng IX. B. Tháng VII. C. Tháng X. D. Tháng VIII.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết tuyến đường số 19 đi qua đèo nào sau đây?

- A. Đèo An Khê. B. Đèo Phụng Hoàng. C. Đèo Cả. D. Đèo Ngoạn Mục.

Câu 49: Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về

- A. khu kinh tế. B. khu công nghiệp. C. quy mô dân số. D. diện tích tự nhiên.

Câu 50: Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay

- A. thay đổi tích cực. B. phát triển rất chậm. C. còn kém đa dạng. D. phân bố đồng đều.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc tỉnh Thừa – Thiên Huế?

- A. A Đớt. B. Lao Bảo. C. Cha Lo. D. Cầu Treo.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở đồng bằng sông Hồng có giá trị sản xuất lớn nhất?

- A. Hải Phòng. B. Phúc Yên. C. Hà Nội. D. Hải Dương.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có tổng đàn trâu bò lớn nhất?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Quảng Trị.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào có biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ nhất trong các trạm khí tượng sau đây?

- A. Đà Lạt. B. Cần Thơ. C. Điện Biên Phủ. D. Lạng Sơn.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất trên 1000 MW?

- A. Hòa Bình. B. Trà Nóc. C. Bà Rịa. D. Phú Mỹ.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây ở đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa vùng?

- A. Kiên Giang. B. Đồng Tháp. C. Cần Thơ. D. Cà Mau.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành sản xuất vật liệu xây dựng?

- A. Tân An. B. Long Xuyên. C. Kiên Lương. D. Mỹ Tho.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây nằm ở phía đông kinh tuyến 180°?

- A. Bình Phước. B. Đồng Nai. C. Bình Dương. D. Bình Thuận.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô lớn nhất ở vùng Đông Nam Bộ?

- A. TP. Hồ Chí Minh. B. Thủ Dầu Một. C. Biên Hòa. D. Bà Rịa Vũng Tàu.

Câu 60: Biện pháp bảo vệ đất nông nghiệp ở các đồng bằng nước ta là

- A. trồng cây theo băng. B. xây hồ thủy điện. C. đào hồ vẫy cá. D. chống nhiễm mặn.

Câu 61: Biện pháp chủ yếu về lâu dài để hạn chế thiệt hại do bão gây ra ở vùng ven biển nước ta là

- A. công tác dự báo. B. củng cố đê biển. C. sơ tán dân. D. trồng rừng đầu nguồn.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp từ 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Đà Nẵng. B. Biên Hòa. C. Cà Mau. D. Cần Thơ.

Câu 63: Sản xuất cây công nghiệp ở nước ta hiện nay

- A. chủ yếu xuất khẩu sang Châu Âu. B. có cơ cấu cây trồng rất đa dạng.
C. tập trung phát triển cây hàng năm. D. hoàn toàn phát triển theo trang trại.

Câu 64: Hoạt động lâm nghiệp nước ta hiện nay

- A. phần lớn là xuất khẩu gỗ mỹ nghệ có giá trị cao. B. có sản phẩm chủ yếu là đồ gỗ đã được chế biến.
C. đóng vai trò quan trọng với môi trường sinh thái. D. phát triển đồng đều giữa các vùng trong nước.

Câu 65: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. sử dụng hợp lí nguồn lao động dồi dào trong nước.
B. góp phần đẩy nhanh sự tăng trưởng nền kinh tế.
C. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
D. thúc đẩy quá trình hội nhập nền kinh tế khu vực.

Câu 66: Đô thị hóa ở nước ta hiện nay

- A. trình độ đô thị hóa còn rất thấp. B. tỉ lệ dân phi nông nghiệp mức cao.

C. số đô thị giống nhau ở các vùng.

D. số dân ở đô thị lớn hơn nông thôn.

Câu 67: Vùng đất của nước ta

A. gồm phần đất liền và các đảo ven bờ.

B. có đường biên giới ngắn nhất với Lào.

C. gồm toàn bộ phần đất liền và hải đảo.

D. có diện tích lớn hơn nhiều vùng biển.

Câu 68: Việc phát triển các tuyến vận tải nối liền với các huyện đảo mang lại ý nghĩa

A. cung cấp nhiều mặt hàng cho người dân.

B. giải quyết nhiều việc làm cho người dân.

C. phát triển kinh tế, xã hội ở các huyện đảo.

D. nâng cao đời sống ngư dân các huyện đảo.

Câu 69: Dân số nước ta hiện nay

A. có tỉ suất sinh thô nhỏ hơn tử thô.

B. tập trung chủ yếu ở các đô thị lớn.

C. cơ cấu nhóm tuổi biến đổi nhanh.

D. phân bố hợp lí giữa các khu vực.

Câu 70: Ngành vận tải hàng không ở nước ta hiện nay

A. phân bố đồng đều trên cả nước.

B. chủ yếu vận chuyển hành khách.

C. hoàn toàn là đường bay nội địa.

D. có khối lượng vận chuyển lớn nhất.

Câu 71: Cơ cấu kinh tế Bắc Trung Bộ hiện nay có sự chuyển dịch quan trọng chủ yếu do tác động của

A. thu hút đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, nâng chất lượng lao động.

B. mở rộng hợp tác quốc tế, đào tạo nhân lực, phát huy các nguồn lực.

C. phát triển cơ sở vật chất kĩ thuật, khai thác thế mạnh, nâng dân trí.

D. hội nhập toàn cầu sâu rộng, tăng trưởng kinh tế, mở rộng các đô thị.

Câu 72: Giá trị nhập khẩu nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây là do

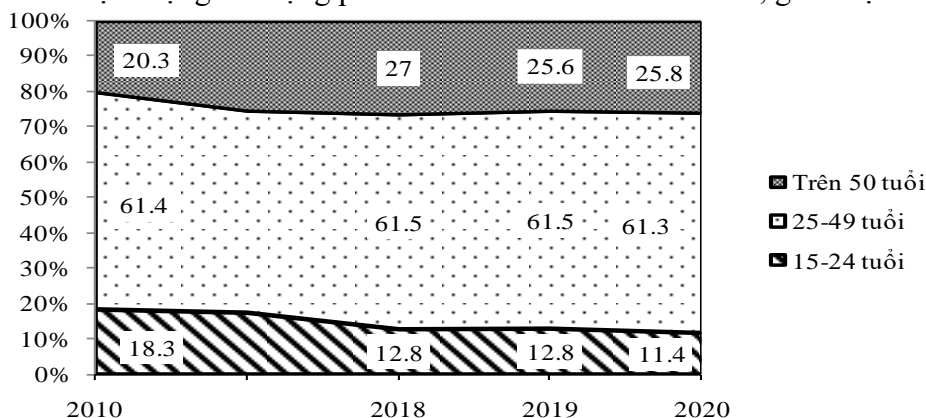
A. nhu cầu của quá trình công nghiệp hóa, nền kinh tế phát triển.

B. tăng cường hợp tác kinh tế, phát triển nông nghiệp hàng hóa.

C. có chất lượng cuộc sống tăng, mở rộng thị trường tiêu thụ.

D. sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, thu hút vốn đầu tư.

Câu 73: Cho biểu đồ về lực lượng lao động phân theo nhóm tuổi của nước ta, giai đoạn 2010 - 2020:



(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Quy mô và cơ cấu lao động phân theo nhóm tuổi.

B. Sự thay đổi cơ cấu lao động phân theo nhóm tuổi.

C. Tốc độ tăng trưởng lao động phân theo nhóm tuổi.

D. Quy mô, cơ cấu lao động phân theo nhóm tuổi.

Câu 74: Sự phân công lao động theo lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay có nhiều đổi mới chủ yếu do tác động của

A. hội nhập thế giới rộng, thúc đẩy nhập khẩu.

B. xây cảng nước sâu, phát triển khu kinh tế.

C. đẩy mạnh xuất khẩu, phát triển giao thông.

D. tăng trưởng kinh tế, phát huy các thế mạnh.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng ở Đồng bằng sông Hồng là

A. tạo ra các sản phẩm, khắc phục tính mùa vụ.

B. sống chung với thiên tai, nâng cao năng suất.

C. thích ứng với tự nhiên, đem lại hiệu quả cao.

D. thúc đẩy nông nghiệp hàng hoá, tạo thu nhập.

Câu 76: Vấn đề chủ yếu cần quan tâm trong việc mở rộng diện tích nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

- A. chú trọng chế biến sản phẩm, phát triển kinh tế cá thể.
- B. bổ sung lao động, tăng cường cơ sở nguồn thức ăn.
- C. bảo vệ rừng ngập mặn, mở rộng thị trường tiêu thụ.
- D. tăng cường con giống, phổ biến kỹ thuật nuôi trồng.

Câu 77: Thuận lợi chủ yếu để xây dựng các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. có hệ thống các đảo bao bọc, vị trí trung chuyển kinh tế Đông - Tây.
- B. nằm gần tuyến giao thông quốc tế quan trọng, nhiều vịnh sâu kín gió.
- C. đường bờ biển dài, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài.
- D. chính sách ưu tiên phát triển kinh tế biển, tài nguyên biển phong phú.

Câu 78: Biện pháp cấp bách nhất hiện nay để bảo vệ rừng tự nhiên ở Tây Nguyên là

- A. đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng cho người dân.
- B. khai thác rừng hợp lý và đẩy mạnh chế biến gỗ.
- C. ngăn chặn phá rừng, giao đất, giao rừng cho dân.
- D. đẩy mạnh việc bảo vệ khoanh nuôi và trồng rừng.

Câu 79: Khí hậu vùng Đông Bắc Bộ về mùa đông mang tính thất thường chủ yếu do

- A. địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới, bão.
- B. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của bão và dải hội tụ nhiệt đới.
- C. địa hình hướng vòng cung, gió mùa Đông Bắc, bão và frông.
- D. Tín phong bán cầu Bắc xen kẽ với gió mùa Đông Bắc, frông.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA Ở MỘT SỐ VÙNG CỦA NƯỚC TA, NĂM 2020

| Vùng | Diện tích (nghìn ha) | Sản lượng (nghìn tấn) |
|-----------------------------|----------------------|-----------------------|
| Đồng bằng sông Hồng | 1 012,3 | 6 134,0 |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 669,0 | 3 378,5 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 4 068,9 | 24 310,0 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích và sản lượng lúa ở một số vùng nước ta, năm 2020, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Kết hợp.
- C. Tròn.
- D. Cột.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

| CÂU | GIẢI | ĐÁP ÁN |
|-----|---|--------|
| 41 | - Theo bảng số liệu, nhận xét đúng khi so sánh tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia năm 2021 và 2015 là Mi-an-ma tăng chậm hơn Lào. | D |
| 42 | - Quy Nhơn. | B |
| 43 | - Yaly. | A |
| 44 | - Trong cơ cấu sản lượng điện phân theo nguồn của nước ta chiếm ưu thế là nhiệt điện. | D |
| 45 | - Theo biểu đồ, nhận xét đúng về sản lượng than và điện năm 2020 so với năm 2014 của Phi-lip-pin là sản lượng điện tăng nhanh hơn than. | B |
| 46 | - Cầu Treo. | D |
| 47 | - Tháng VIII. | D |
| 48 | - Đèo An Khê. | A |
| 49 | - Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về khu công nghiệp. | B |
| 50 | - Ngành công nghiệp của nước ta hiện nay thay đổi tích cực. | A |
| 51 | - A Đốt. | A |

| | | |
|----|---|---|
| 52 | - Hà Nội. | C |
| 53 | - Nghệ An. | B |
| 54 | - Cần Thơ. | B |
| 55 | - Phú Mỹ. | D |
| 56 | - Cần Thơ. | C |
| 57 | - Kiên Lương. | C |
| 58 | - Bình Thuận. | D |
| 59 | - TP Hồ Chí Minh. | A |
| 60 | - Biện pháp bảo vệ đất nông nghiệp ở các đồng bằng nước ta là chống nhiễm mặn. | D |
| 61 | - Biện pháp chủ yếu về lâu dài để hạn chế thiệt hại do bão gây ra ở vùng ven biển nước ta là củng cố đê biển. | B |
| 62 | - Biên Hòa. | B |
| 63 | - Sản xuất cây công nghiệp ở nước ta hiện nay có cơ cấu cây trồng rất đa dạng. | B |
| 64 | - Hoạt động lâm nghiệp nước ta hiện nay đóng vai trò quan trọng với môi trường sinh thái. | C |
| 65 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là góp phần đẩy nhanh sự tăng trưởng nền kinh tế. | B |
| 66 | - Đô thị hóa ở nước ta hiện nay tỉ lệ dân phi nông nghiệp mức cao. | B |
| 67 | - Vùng đất của nước ta gồm toàn bộ phần đất liền và hải đảo. | C |
| 68 | - Việc phát triển các tuyến vận tải nối liền với các huyện đảo mang lại ý nghĩa phát triển kinh tế, xã hội ở các huyện đảo. | C |
| 69 | - Dân số nước ta hiện nay có tốc độ già hóa dân số nhanh. | C |
| 70 | - Ngành vận tải hàng không ở nước ta hiện nay cơ cấu nhóm tuổi biến đổi nhanh. | C |
| 71 | - Cơ cấu kinh tế Bắc Trung Bộ hiện nay có sự chuyển dịch quan trọng chủ yếu do tác động của thu hút đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, nâng chất lượng lao động. | A |
| 72 | - Giá trị nhập khẩu nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây là do nhu cầu của quá trình công nghiệp hóa, nền kinh tế phát triển. | A |
| 73 | - Biểu đồ sự thay đổi cơ cấu lao động phân theo nhóm tuổi. | B |
| 74 | - Sự phân công lao động theo lãnh thổ của Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay có nhiều đổi mới chủ yếu do tác động của tăng trưởng kinh tế, phát huy các thế mạnh. | D |
| 75 | - Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng ở Đồng bằng sông Hồng là thúc đẩy nông nghiệp hàng hoá, tạo thu nhập. | D |
| 76 | - Vấn đề chủ yếu cần quan tâm trong việc mở rộng diện tích nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là bảo vệ rừng ngập mặn, mở rộng thị trường tiêu thụ. | C |
| 77 | - Thuận lợi chủ yếu để xây dựng các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là nằm gần tuyến giao thông quốc tế quan trọng, nhiều vịnh sâu kín gió. | B |
| 78 | - Biện pháp cấp bách nhất hiện nay để bảo vệ rừng tự nhiên ở Tây Nguyên là ngăn chặn phá rừng, giao đất, giao rừng cho dân. | C |
| 79 | - Khí hậu vùng Đông Bắc Bộ về mùa đông mang tính thất thường chủ yếu do Tín phong bán cầu Bắc xen kẽ với gió mùa Đông Bắc, frông. | D |
| 80 | - Biểu đồ cột. | D |

ĐỀ 10**ĐỀ ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024****Môn: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút không kể thời gian phát đề***Câu 41:** Cho bảng số liệu:**TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2021***(Đơn vị: ‰)*

| Quốc gia | Ma-lai-xi-a | Mi-an-ma | Phi-lip-pin | Xin-ga-po |
|------------|-------------|----------|-------------|-----------|
| Tỉ lệ sinh | 15 | 20 | 22 | 9 |
| Tỉ lệ tử | 5 | 9 | 6 | 5 |

(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của một số quốc gia năm 2021?

- A. Ma-lai-xi-a cao hơn Xin-ga-po. B. Phi-lip-pin thấp hơn Mi-an-ma.
C. Xin-ga-po cao hơn Mi-an-ma. D. Mi-an-ma thấp hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Bắc Trung Bộ?

- A. Đồng Hới. B. Nha Trang. C. Thanh Hóa. D. Đà Nẵng.

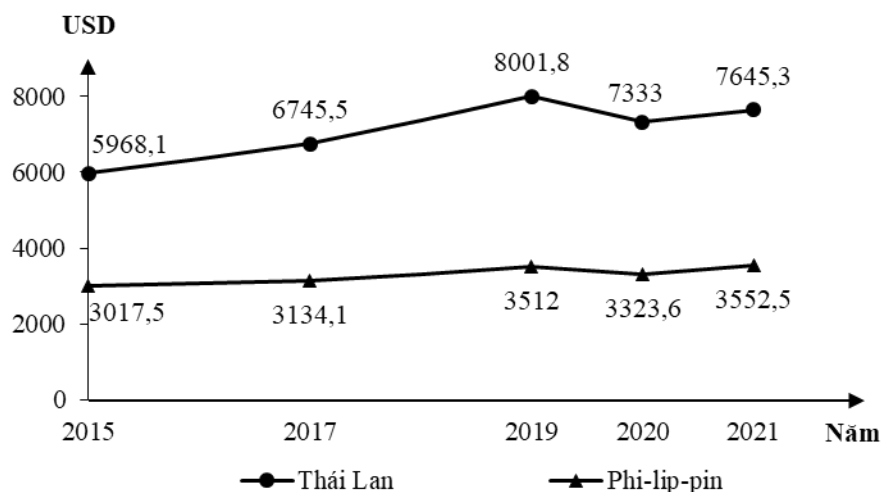
Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng hơn cả?

- A. Mộc Châu. B. Đà Nẵng. C. Nha Trang. D. Cần Thơ.

Câu 44: Sản phẩm thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi ở nước ta là

- A. tôm đông lạnh. B. xúc xích. C. cà phê nhân. D. cá đóng hộp.

Câu 45: Cho biểu đồ:



GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA THÁI LAN VÀ PHI-LIP-PIN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, <https://www.aseanstats.org>)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi GDP bình quân đầu người năm 2021 so với năm 2015 của Thái Lan và Phi-lip-pin?

- A. Thái Lan tăng ít hơn Phi-lip-pin. B. Thái Lan tăng chậm hơn Phi-lip-pin.
C. Phi-lip-pin tăng chậm hơn Thái Lan. D. Phi-lip-pin tăng gấp hai lần Thái Lan.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết Khánh Hòa có trung tâm kinh tế nào sau đây?

- A. Đà Nẵng. B. Huế. C. Quy Nhơn. D. Nha Trang.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết núi Bà Đen thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Tây Ninh. B. Bình Phước. C. Bình Dương. D. Đồng Tháp.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây **không** thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Luông. B. Hiếu. C. Chu. D. Bưởi.

Câu 49: Hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển chậm ở

- A. Tây Nguyên. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Đông Nam Bộ.

Câu 50: Đông Nam Bộ hiện nay đứng đầu cả nước về

- A. trồng nhiều loại cây ăn quả. B. trữ năng thủy điện ở các sông.
C. phát triển khai thác dầu và khí. D. chăn nuôi trâu và thủy sản.

Câu 51: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết tỉnh nào sau đây có sân bay Đồng Tác?

- A. Khánh Hòa. B. Đà Nẵng. C. Bình Định. D. Phú Yên.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ cho biết khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây in?

- A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 28 nối Phan Thiết với điểm nào sau đây?

- A. Di Linh. B. Biên Hòa. C. Đồng Xoài. D. Liên Khương.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch biển nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Huế?

- A. Non Nước. B. Thuận An. C. Sa Huỳnh. D. Thiên Cầm.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành đóng tàu?

- A. Thái Nguyên. B. Việt Trì. C. Hải Phòng. D. Bắc Ninh.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết nơi nào sau đây là một điểm công nghiệp?

- A. Hà Giang. B. Thái Nguyên. C. Việt Trì. D. Huế.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết thành phố nào sau đây là đô thị loại 1 ?

- A. Tam Kỳ. B. Phan Thiết. C. Tuy Hòa. D. Đà Nẵng.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây ở xa nhất về phía tây của nước ta?

- A. Điện Biên. B. Tuyên Quang. C. Yên Bái. D. Thái Nguyên.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào sau đây nằm trên sơn nguyên Hà Giang?

- A. Kiều Liêu Ti. B. Phia Ya. C. Tây Côn Lĩnh. D. Pu Tha Ca.

Câu 60: Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở đồng bằng của nước ta là

- A. tổ chức định canh, định cư cho người dân. B. canh tác hợp lí, chống ô nhiễm đất đai.
C. áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp. D. thực hiện kĩ thuật canh tác trên đất dốc.

Câu 61: Hạn hán ở nước ta

- A. chỉ có tại nơi khuất gió. B. xảy ra trong mùa khô.
C. kéo dài nhất tại miền Bắc. D. chỉ xảy ra ở miền núi.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có số lượng bò lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Quảng Ngãi. B. Phú Yên. C. Quảng Nam. D. Bình Định.

Câu 63: Sản xuất cây cà phê ở nước ta hiện nay

- A. toàn bộ diện tích trồng cà phê chè. B. phân bố tập trung trên đất phù sa.
C. chú trọng đầu tư công nghệ chế biến. D. chỉ phục vụ thị trường trong nước.

Câu 64: Ngành thủy sản nước ta hiện nay

- A. đối tượng nuôi trồng còn kém đa dạng. B. phân bố đồng đều trên phạm vi cả nước.
C. chủ yếu phát triển nuôi trồng nước ngọt. D. thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng.

Câu 65: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta hiện nay là

- A. tăng sản phẩm cao cấp, giảm các sản phẩm chất lượng thấp.
- B. tăng tỉ trọng ngành thủy sản, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi.
- C. hình thành các vùng động lực, giảm số lượng khu chế xuất.
- D. giảm tỉ trọng kinh tế cá thể, tăng tỉ trọng kinh tế Nhà nước.

Câu 66: Lao động thành thị của nước ta hiện nay

- A. chiếm tỉ lệ lớn trong lao động.
- B. có tỉ trọng ngày càng tăng.
- C. có trình độ từ cao đẳng trở lên.
- D. chỉ hoạt động trong dịch vụ.

Câu 67: Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là

- A. mang lại hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường.
- B. giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.
- C. tăng cường giao lưu kinh tế giữa các huyện đảo.
- D. hạn chế các thiên tai phát sinh trên vùng biển.

Câu 68: Vị trí địa lí của nước ta

- A. nằm ở phía Đông Bắc của bán đảo Trung Ấn.
- B. là nơi gặp gỡ của các khối khí hoạt động theo mùa.
- C. thuộc vành đai động đất điển hình của châu Á.
- D. trung tâm của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Câu 69: Quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay

- A. chững lại, tỷ lệ dân thành thị thấp và tăng chậm.
- B. theo hai hướng khác nhau, gắn với công nghiệp.
- C. chuyển biến tích cực, số lượng đô thị tăng lên.
- D. có nhiều đô thị lớn, phân bố đều khắp lãnh thổ.

Câu 70: Giao thông vận tải đường sông nước ta hiện nay

- A. có phương tiện khá đa dạng.
- B. chỉ vận chuyển hàng hóa.
- C. trang thiết bị đã rất hiện đại.
- D. tập trung ở vùng miền núi.

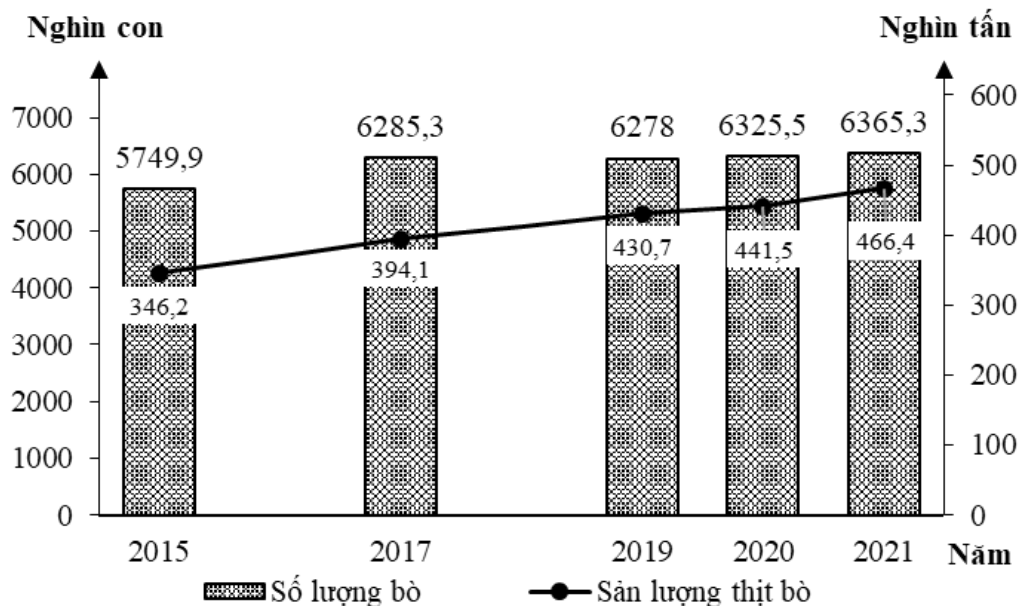
Câu 71: Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều cây dược liệu quý chủ yếu do

- A. địa hình núi cao, giống cây trồng tốt, khí hậu cận nhiệt và ôn đới trên núi.
- B. đất feralit có diện tích rộng, nguồn nước mặt dồi dào, giống cây trồng tốt.
- C. địa hình đa dạng với nhiều dãy núi, nguồn nước mặt phong phú, đất feralit.
- D. khí hậu mùa đông lạnh, nhiều loại đất khác nhau, lượng mưa rất thích hợp.

Câu 72: Các mặt hàng xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. thu hút đầu tư, tham gia các tổ chức quốc tế.
- B. đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa.
- C. kinh tế phát triển, mở rộng hội nhập quốc tế.
- D. mở rộng sản xuất, mức sống ngày càng tăng.

Câu 73: Cho biểu đồ về số lượng bò và sản lượng thịt bò nước ta, giai đoạn 2015 - 2021:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô số lượng bò và sản lượng thịt bò.
- B. Cơ cấu số lượng bò và sản lượng thịt bò.
- C. Sự thay đổi cơ cấu số lượng bò và sản lượng thịt bò.
- D. Tốc độ tăng trưởng số lượng bò và sản lượng thịt bò.

Câu 74: Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác thủy năng ở Tây Nguyên là

- A. thúc đẩy công nghiệp phát triển, giải quyết vấn đề thủy lợi.
- B. tạo nguồn năng lượng lớn, đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản.
- C. giải quyết nước tưới trong mùa khô, phát triển du lịch sinh thái.
- D. khai thác tiềm năng của vùng, giải quyết nhu cầu về năng lượng.

Câu 75: Mục đích chủ yếu của việc phát triển các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đào tạo kỹ thuật cho lực lượng lao động, tạo ra nhiều việc làm mới.
- B. sản xuất các sản phẩm phục vụ xuất khẩu, nâng cao vị thế của vùng.
- C. đổi mới vùng nông thôn ven biển, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
- D. thu hút đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy sản xuất công nghiệp.

Câu 76: Mục đích chủ yếu của việc sử dụng hợp lý và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. tăng sản lượng của nông nghiệp, đa dạng hóa sản xuất.
- B. biến đồng bằng thành một khu vực kinh tế quan trọng.
- C. cải tạo tài nguyên đất, mở rộng hơn diện tích trồng lúa.
- D. cân bằng sinh thái, bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu trong phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. thu hút vốn, đổi mới công nghệ, đảm bảo nguyên liệu và thị trường.
- B. hình thành vùng chuyên canh, đổi mới chính sách và hiện đại hóa.
- C. tăng nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng quy mô các nhà máy chế biến.
- D. nâng cao chất lượng lao động, thay đổi thị trường và nguồn nguyên liệu.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là

- A. khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.
- B. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.
- C. giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
- D. sử dụng hợp lý tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.

Câu 79: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có khí hậu khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do tác động của

- A. gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc, vị trí gần chí tuyến, địa hình núi.
- B. vị trí ở nội chí tuyến, địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây.
- C. địa hình có núi cao, vị trí ở khu vực gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc.
- D. núi cao, gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới, vị trí ở xa xích đạo.

Câu 80: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA MỘT SỐ VÙNG NƯỚC TA, NĂM 2017, 2020 VÀ 2021

(Đơn vị: Nghìn tấn)

| Năm | 2017 | 2020 | 2021 |
|-----------------------------|--------|---------|---------|
| Đồng bằng sông Hồng | 6083,3 | 6035,5 | 6020,4 |
| Trung du và miền núi Bắc Bộ | 3336,4 | 3391,2 | 3426,5 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 23609 | 23827,6 | 24327,3 |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Theo bảng số liệu, để so sánh sản lượng lúa của một số vùng nước ta qua các năm, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Kết hợp.
- C. Tròn.
- D. Cột.

ĐÁP ÁN

| | | | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 41.A | 42.A | 43.D | 44.B | 45.C | 46.D | 47.A | 48.B | 49.A | 50.C |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|

| | | | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 51.D | 52.B | 53.A | 54.B | 55.C | 56.A | 57.D | 58.A | 59.D | 60.B |
| 61.B | 62.D | 63.C | 64.D | 65.A | 66.B | 67.A | 68.B | 69.C | 70.A |
| 71.A | 72.C | 73.A | 74.D | 75.D | 76.B | 77.A | 78.A | 79.A | 80.D |

LỜI GIẢI CHI TIẾT

| CÂU | HƯỚNG DẪN GIẢI | ĐÁP ÁN |
|-----|---|--------|
| 41 | Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của một số quốc gia năm 2021 thì Ma-lai-xi-a cao hơn Xin-ga-po. | A |
| 42 | Đồng Hới. | A |
| 43 | Cần Thơ. | D |
| 44 | Sản phẩm thuộc công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi ở nước ta là xúc xích | B |
| 45 | Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi GDP bình quân đầu người năm 2021 so với năm 2015 của Thái Lan và Phi-lip-pin thì Phi-lip-pin tăng chậm hơn Thái Lan. | C |
| 46 | Khánh Hòa có trung tâm kinh tế là Nha Trang | D |
| 47 | Tây Ninh. | A |
| 48 | Sông Hiếu không thuộc hệ thống sông Mã. | B |
| 49 | Hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển chậm ở Tây Nguyên. | A |
| 50 | Đông Nam Bộ hiện nay đứng đầu cả nước về phát triển khai thác dầu và khí. | C |
| 51 | Căn cứ Atlat địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, tỉnh Phú Yên nào sau đây có sân bay Đông Tác | D |
| 52 | Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, khu kinh tế ven biển Vũng Áng thuộc tỉnh Hà Tĩnh. | B |
| 53 | Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, đường số 28 nối Phan Thiết với điểm Di Linh. | A |
| 54 | Thuận An | B |
| 55 | Hải Phòng | C |
| 56 | Hà Giang | A |
| 57 | Đà Nẵng là thành phố nào sau đây là đô thị loại 1 | D |
| 58 | Điện Biên | A |
| 59 | Pu Tha Ca | D |
| 60 | Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở đồng bằng của nước ta là canh tác hợp lí, chống ô nhiễm đất đai. | B |
| 61 | Hạn hán ở nước ta xảy ra trong mùa khô. | B |
| 62 | Bình Định. | D |
| 63 | Sản xuất cây cà phê ở nước ta hiện nay chú trọng đầu tư công nghệ chế biến. | C |
| 64 | Ngành thủy sản nước ta hiện nay thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng. | D |
| 65 | Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta hiện nay là tăng sản phẩm cao cấp, giảm các sản phẩm chất lượng thấp. | A |
| 66 | Lao động thành thị của nước ta hiện nay có tỉ trọng ngày càng tăng | B |
| 67 | Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là mang lại hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường. | A |
| 68 | Vị trí địa lí của nước ta là nơi gặp gỡ của các khối khí hoạt động theo mùa. | B |
| 69 | Quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay chuyển biến tích cực, số lượng đô thị tăng lên. | C |
| 70 | Giao thông vận tải đường sông nước ta hiện nay có phương tiện khá đa dạng. | A |
| 71 | Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây dược liệu chủ yếu dựa vào điều kiện thuận lợi khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi, giống tốt | A |
| 72 | Nhờ chính sách mở cửa hội nhập quốc tế của nhà nước, nước ta có quan hệ buôn bán với nhiều quốc gia trên thế giới. Đồng thời, sản xuất trong nước phát triển tạo ra nhiều mặt hàng với chất lượng cao đã giúp cho thị trường xuất khẩu nước ta ngày càng đa | C |

| | | |
|----|--|---|
| | dạng. | |
| 73 | Biểu đồ thể hiện quy mô số lượng bò và sản lượng thịt bò. | A |
| 74 | Ý nghĩa chủ yếu của việc khai thác thủy năng ở Tây Nguyên là khai thác tiềm năng của vùng, giải quyết nhu cầu về năng lượng | D |
| 75 | Mục đích chủ yếu của việc phát triển các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là thu hút đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy sản xuất công nghiệp | D |
| 76 | Mục đích chủ yếu của việc sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở ĐB sông Cửu Long là gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững. Bởi chỉ có sử dụng hợp lí mới đảm bảo cho sự phát triển lâu dài, bền vững, tránh những tổn hại đến môi trường. | B |
| 77 | Giải pháp chủ yếu trong phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng là: - Đáp án A. thu hút vốn, đổi mới công nghệ, đảm bảo nguyên liệu và thị trường. ⇒ Vì để phát triển ngành công nghiệp này cần phải đổi mới công nghệ, đưa công nghệ kĩ thuật vào ngành nghề. Và phải tập trung vào nguyên liệu, thị trường của chế biến thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng. | A |
| 78 | Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là khai thác tốt hơn thế mạnh (địa hình phân bậc, đất vùng đồi trước núi thích hợp, bảo vệ đất), tạo ra nhiều nông sản hàng hóa (ví dụ: cà phê) | A |
| 79 | Khí hậu của miền Bắc và Bắc Trung Bộ khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do tác động của hoàn lưu khí quyển, vị trí nằm gần đường chí tuyến Bắc, địa hình núi. | A |
| 80 | Theo bảng số liệu, để so sánh sản lượng lúa của một số vùng nước ta qua các năm, dạng biểu đồ cột là thích hợp nhất | D |